

LỜI MỞ ĐẦU

1- Tính cấp thiết của đề tài:

Trong những năm gần đây, cơ chế quản lý kinh tế của nước ta có sự đổi mới sâu sắc và toàn diện. Công cuộc đổi mới này tạo ra những chuyển biến tích cực cho sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế. Nhiều chính sách kinh tế, cách thức quản lý kinh tế tài chính của nhà nước đã và đang ngày càng hoàn thiện. Hạch toán kế toán với tư cách là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống quản lý kinh tế tài chính đã có những cải tiến, hoàn thiện từng bước theo mức độ phát triển của nền kinh tế. Để phù hợp với cơ chế thị trường hạch toán kế toán phải hết sức chặt chẽ và phát huy tối đa tác dụng của nó đối với nền kinh tế, đồng thời hạn chế được các khe hở gây kho khăn cho quá trình quản lý kinh tế - tài chính.

Sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay làm nảy sinh nhiều vấn đề trong quá trình quản lý, nó càng chứng minh sự cần thiết của công cụ hạch toán kế toán. Do đó, hạch toán kế toán nói chung và hạch toán kết quả kinh doanh nói riêng là vấn đề không thể thiếu trong mỗi doanh nghiệp. Mọi hoạt động, mọi nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp đều được hạch toán để đi đến công việc cuối cùng là xác định kết quả kinh doanh.

Hiện nay, thông tin về kết quả kinh doanh là rất quan trọng vì căn cứ vào đó nhà quản lý có được cái nhìn tổng quát về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, từ đó doanh nghiệp có những biện pháp điều chỉnh cơ cấu hàng hóa, hình thức kinh doanh, phương thức quản lý sao cho phù hợp với điều kiện thực tế để có hiệu quả hơn.

Qua quá trình học tập và thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu, nhận thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, được sự giúp đỡ của phòng kế toán, các phòng chức năng trong công ty và sự giúp đỡ tận tình của Thạc sỹ Nguyễn Đức Kiên, em chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu”***.

2- Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- Về mặt lý luận: hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Về mặt thực tế: mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu.

3- Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài:

* Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu.

* Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Đề tài được thực hiện tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu.

- Về thời gian: đề tài được thực hiện từ ngày 12/04/2010 đến ngày 20/6/2010.

4- Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp hạch toán kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối) các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp chi tiết, phương pháp so sánh).

- Phương pháp luận biện chứng được sử dụng trong khoá luận này chủ yếu là biện chứng trong mối liên hệ giữa thực tế với lí luận chung về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

5- Kết cấu của khoá luận:

Bố cục của khoá luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương như sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1- Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

*** Bán hàng**

Bán hàng là quá trình chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hoá từ người bán sang người mua, đồng thời người bán có quyền đòi tiền về số hàng đã chuyển giao quyền sở hữu.

*** Doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

*** Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu nội bộ (TK 512), sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

*** Thời điểm ghi nhận doanh thu**

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hoá, lao vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền cho người bán hay người mua chấp nhận thanh toán số sản phẩm hàng hoá, dịch vụ...mà người bán đã chuyển giao.

*** Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lí, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và khoản chi phí khác.

1.2- Điều kiện ghi nhận doanh thu.

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong Chuẩn mực kế toán số 14 “doanh thu và thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán khác có liên quan.

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải theo nguyên tắc phù hợp. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá khi thoả mãn đồng thời năm điều kiện sau:

- + DN đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- + DN không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết

quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn đồng thời bốn điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập BCĐKT
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá và dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

1.3- Nguyên tắc kế toán doanh thu

Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ, doanh thu tiêu thụ (bán hàng và cung cấp dịch vụ) là giá bán chưa có thuế GTGT.

Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu tiêu thụ là tổng giá thanh toán.

Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu tiêu thụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

Đối với doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu tiêu thụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu tiêu thụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Trường hợp tiêu thụ theo phương pháp trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu tiêu thụ theo giá bán trả ngay và ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính về phần lãi được tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phải phù hợp với doanh thu được xác nhận.

Trường hợp doanh nghiệp viết hoá đơn và đã thu được tiền nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì giá trị số hàng này không được coi là tiêu thụ và không được ghi và TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà chỉ hạch toán vào bên có TK 131- phải thu của khách hàng về khoản tiền đã thu được của khách hàng. Khi thực hiện giao hàng cho người mua thì phải hạch toán vào TK 511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu.

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận tiền thuê trước nhiều năm thì doanh thu tiêu thụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho các năm thuê tài sản.

Không hạch toán doanh thu tiêu thụ các trường hợp sau:

- + Trị giá vật tư, hàng hoá, bán thành phẩm xuất giao cho bên ngoài gia công chế biến.
- + Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành.
- + Số tiền thu về từ nhượng bán thanh lý TSCĐ.
- + Trị giá sản phẩm, hàng hoá đang gửi bán, dịch vụ hoàn thành đã cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được người mua chấp nhận thanh toán.
- + Trị giá hàng tiêu thụ theo phương pháp gửi đại lý, ký gửi chưa được xác định là tiêu thụ.

+ Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng.

1.4: Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chủ yếu thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Lập các chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mở sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết để phản ánh tình hình khối lượng hàng hoá tiêu thụ, ghi nhận doanh thu bán hàng và các chỉ tiêu liên quan khác của khối lượng hàng bán (giá bán, doanh thu thuần).

+ Phân bổ chi phí mua hàng cho số lượng đã bán trong kỳ và lượng hàng tồn cuối kỳ.

+ Kế toán quản lý chặt chẽ tình hình biến động và dự trữ kho hàng hoá, phát hiện, xử lý kịp thời hàng hoá ứ đọng.

+ Lựa chọn phương pháp và xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hoá.

+ Xác định kết quả bán hàng và thực hiện chế độ báo cáo bán hàng, báo cáo hàng hoá.

+ Theo dõi và thanh toán kịp thời công nợ với nhà cung cấp và khách hàng.

+ Theo dõi, phản ánh các khoản thu nhập, chi phí hoạt động tài chính. Trên cơ sở đó tính toán đầy đủ, kịp thời và chính xác kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

+ Ghi chép theo dõi phản ánh kịp thời từng khoản chi phí, thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

+ Tính toán, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời kết quả hoạt động.

1.5: Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động bán hàng

1.5.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

** Các phương thức tiêu thụ chủ yếu trong doanh nghiệp*

+ Phương thức bán hàng trực tiếp

Theo phương thức này, khi người bán giao hàng cho người mua tại quầy hoặc phân xưởng sản xuất đồng thời phải viết hóa đơn bán hàng giao cho người mua thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ.

+ Phương thức gửi hàng

Theo phương thức này doanh nghiệp chở hàng đi gửi các cửa hàng để bán hộ. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng được chấp nhận đó mới chính thức được coi là tiêu thụ.

+ Phương thức bán hàng đại lý

Theo phương thức này, số hàng gửi đại lý vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi chính thức tiêu thụ. Về cơ bản, kế toán ghi các bút toán tương tự như tiêu thụ theo phương thức gửi hàng.

+ Phương thức bán hàng trả chậm

Bán hàng trả góp, trả chậm là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở kỳ tiếp sau bằng nhau, trong đó bao gồm 1 phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm.

Về thực chất chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì DN mới mất quyền sở hữu. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi bán hàng trả chậm, trả góp giao cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ.

+ Phương thức tiêu thụ nội bộ

Theo phương thức này các cơ sở sản xuất, kinh doanh khi xuất hàng hoá điều chỉnh cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, các cửa hàng... ở các địa phương để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, các đơn vị phụ thuộc nhau; xuất trả hàng từ các đơn vị hạch toán phụ thuộc về cơ sở sản xuất kinh doanh.

* **Chứng từ và tài khoản sử dụng:**

- *Chứng từ sử dụng:*

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- + Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- + Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- + Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH).
- + Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH).
- + Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).
- + Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

- *Tài khoản sử dụng:*

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Kế toán sử dụng TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.

+ **TK 511** - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có). Số tiền bán hàng được ghi trên Hoá đơn (GTGT), Hoá đơn bán hàng hoặc trên các chứng từ khác có liên quan tới việc bán hàng, hoặc giá thoả thuận giữa người mua và người bán.

TK 511 có 6 TK cấp 2:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá.
- TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm.
- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 5118 – Doanh thu khác.

+ **TK 512** – Doanh thu bán hàng nội bộ: được sử dụng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc

trong cùng tổng công ty, tập đoàn.

TK 512 có 3 TK cấp 2:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá nội bộ.
- TK 5122: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ.
- TK 5123: Doanh thu dịch vụ nội bộ.

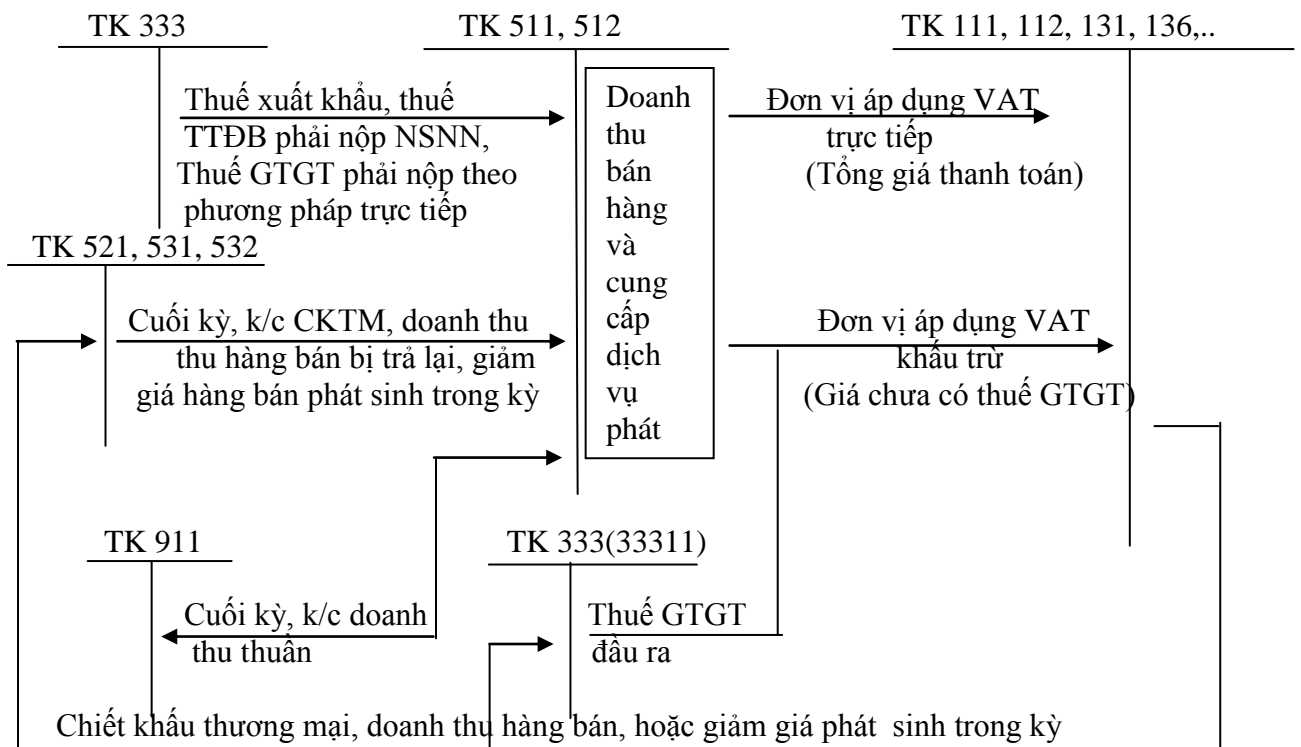
Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511,512

Nợ	TK 511,512	Có
- Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp - Khoản chiết khấu thương mại; trị giá hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán. - Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911		- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 511,512 không có số dư cuối kỳ

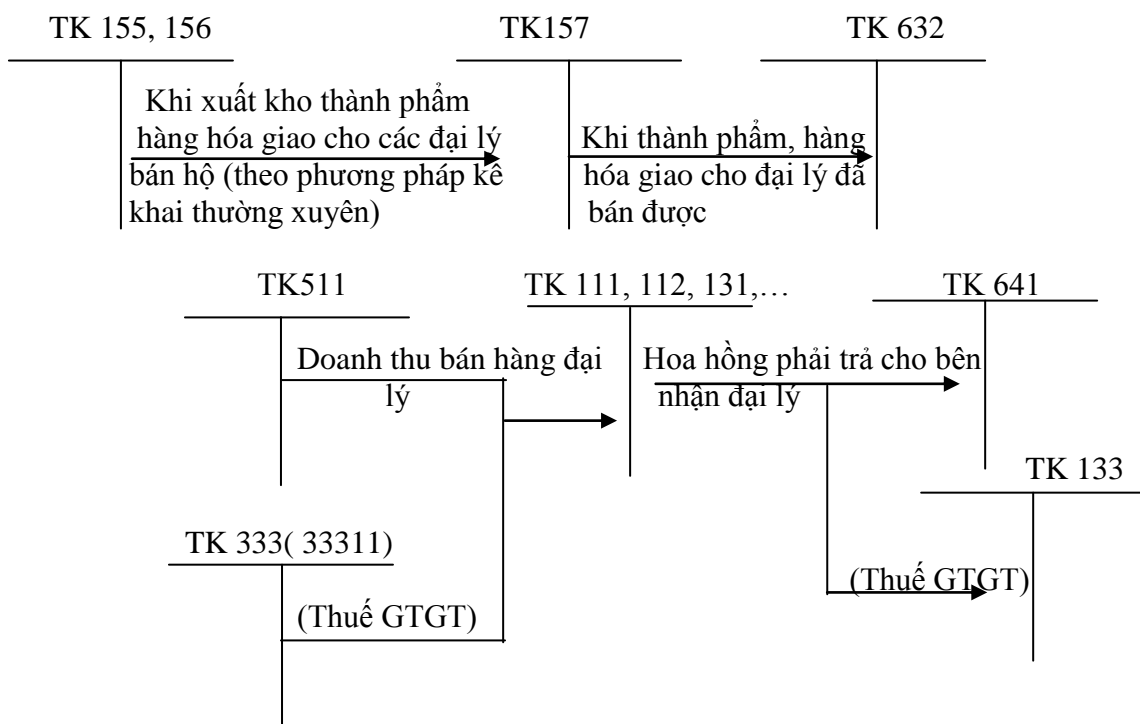
*** Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

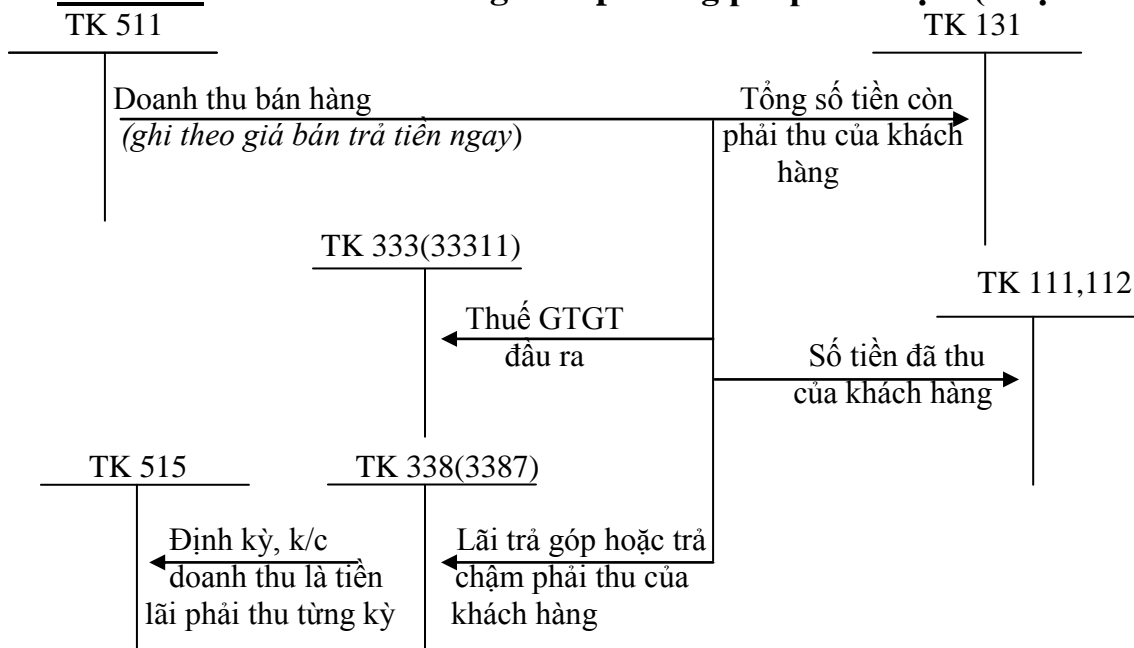


(Nguồn số liệu: Hệ thống kế toán Việt Nam: Chế độ kế toán DN – quyển 2)

Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý



Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương pháp trả chậm (hoặc trả góp)



1.5.2- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.5.2.1- Chiết khấu thương mại

* Khái niệm:

Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng.

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

* Tài khoản sử dụng:

-Kế toán sử dụng TK 521 - Chiết khấu thương mại.

-Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521:

Nợ	TK 521	Có
- Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 và TK 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

- TK 521 có 3 tài khoản cấp 2:

- TK 5211: Chiết khấu hàng hoá.
- TK 5212: Chiết khấu thành phẩm.
- TK 5213: Chiết khấu dịch vụ.

1.5.2.2- Hàng bán bị trả lại

* Khái niệm:

Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

* Tài khoản sử dụng :

- Kế toán sử dụng TK 531 – Hàng bán bị trả lại.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 531:

Nợ	TK 531	Có
- Trị giá hàng bán bị trả lại.		- Kết chuyển toàn bộ doanh thu của số hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

1.5.2.3- Giảm giá hàng bán

* Khái niệm:

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách ... đã ghi trong hợp đồng.

* Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 532 - Giảm giá hàng bán.

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 532:

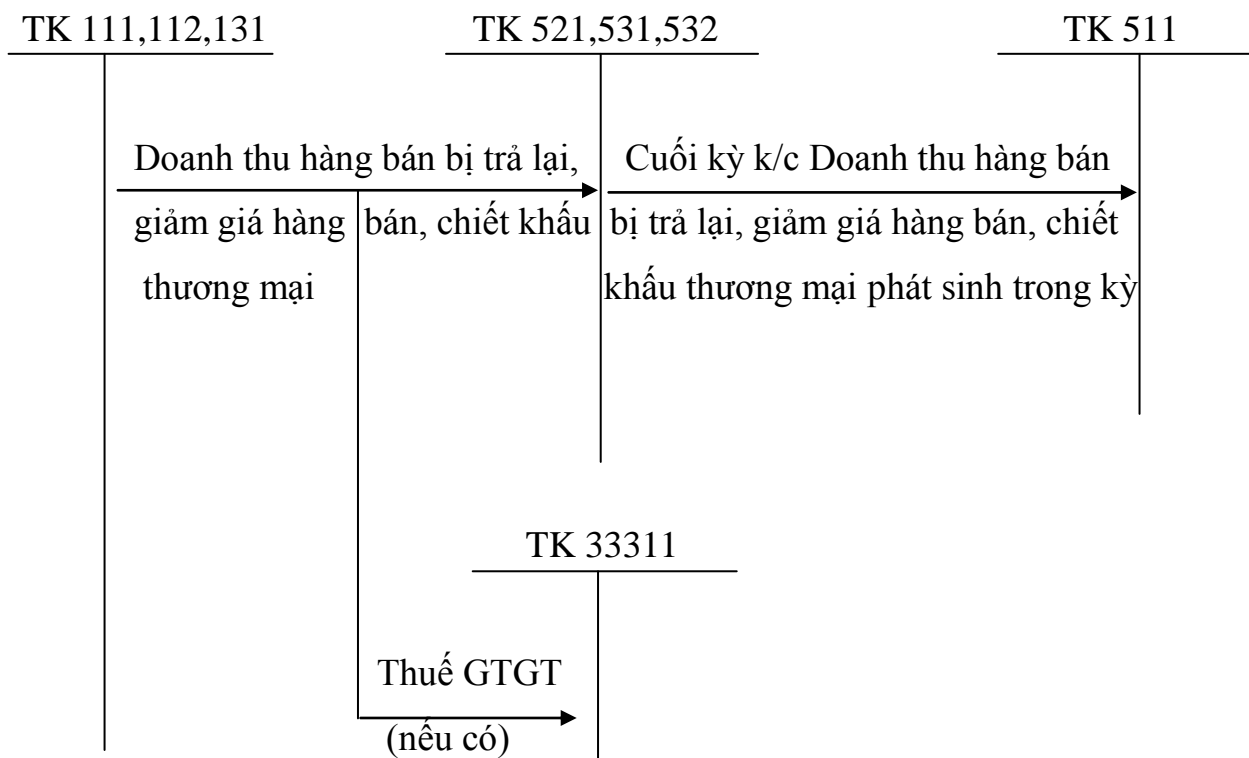
Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng.		- Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang bên Nợ TK 511 hoặc TK 512.
<hr/> Σ Số phát sinh Nợ <hr/>		<hr/> Σ Số phát sinh Có <hr/>

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

- Chỉ phản ánh vào TK 532 các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là sau khi đã có hoá đơn bán hàng. Không phản ánh vào tài khoản này số giảm giá đã được ghi trên hoá đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị bán trên hoá đơn.

1.5.2.4- Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.4: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.5.2.5- Các khoản thuế làm giảm doanh thu.

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của hàng hoá, dịch vụ} \times \text{Thuế suất thuế GTGT (\%)}$$

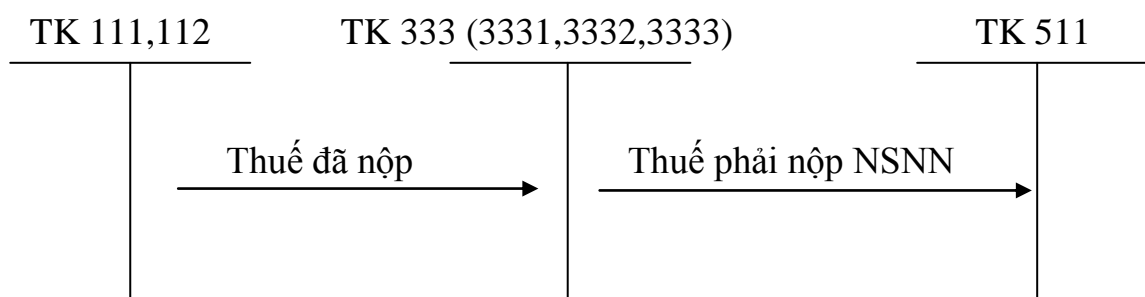
$$\text{GTGT} = \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra} - \text{Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng}$$

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trpng trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{Thuế suất.}$$

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

Sơ đồ 1.5: Hạch toán các khoản thuế làm giảm doanh thu



1.5.3- Kế toán giá vốn hàng bán.

1.5.3.1- Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho.

- *Phương pháp bình quân gia quyền.*

$\text{Giá thực tế xuất kho} = \text{Số lượng xuất} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$ $\text{Đơn giá thực tế bình quân} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng thực tế nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$

Nếu sau mỗi lần nhập, xuất kế toán xác định lại đơn giá thực tế bình quân thì giá đó là giá thực tế bình quân gia quyền liên hoàn.

Nếu đến cuối kỳ kế toán mới xác định đơn giá thì đơn giá bình quân đó là đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ.

- *Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO).*

Theo phương pháp này kế toán xác định đơn giá thực tế nhập kho của từng lần nhập và giả thiết rằng hàng nào nhập trước thì xuất trước. Như vậy, đơn giá xuất kho là đơn giá của mặt hàng nhập trước và giá tồn cuối kỳ là đơn giá của những lần nhập sau cùng.

- *Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO).*

Theo phương pháp này kế toán theo dõi đơn giá của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ xuất trước. Căn cứ vào số lượng xuất kho, kế toán tính giá xuất kho theo nguyên tắc trước hết lấy đơn giá của lần nhập sau cùng, số lượng còn lại tính theo đơn giá của các lần nhập trước đó. Như vậy giá thực tế tồn cuối kỳ là giá của các lần nhập đầu tiên.

- *Phương pháp thực tế đích danh.*

Doanh nghiệp quản lý phải theo dõi vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá nhập theo từng lô hàng, từng mặt hàng một cách chi tiết. Khi xuất kho thì kế toán căn cứ vào đơn giá thực tế nhập và số lượng nhập của hàng hoá đó để tính giá thực tế xuất kho

1.5.3.2- Chứng từ và tài khoản sử dụng.

**** Chứng từ kế toán sử dụng:***

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT).
 - Bảng tính và phân bổ: NVL – công cụ, dụng cụ.
- Và các chứng từ hoá đơn liên quan khác.

**** Tài khoản sử dụng:***

Giá vốn hàng bán là giá vốn thực tế xuất kho của số hàng hoá (gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 632 có sự khác nhau giữa 2 phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ:

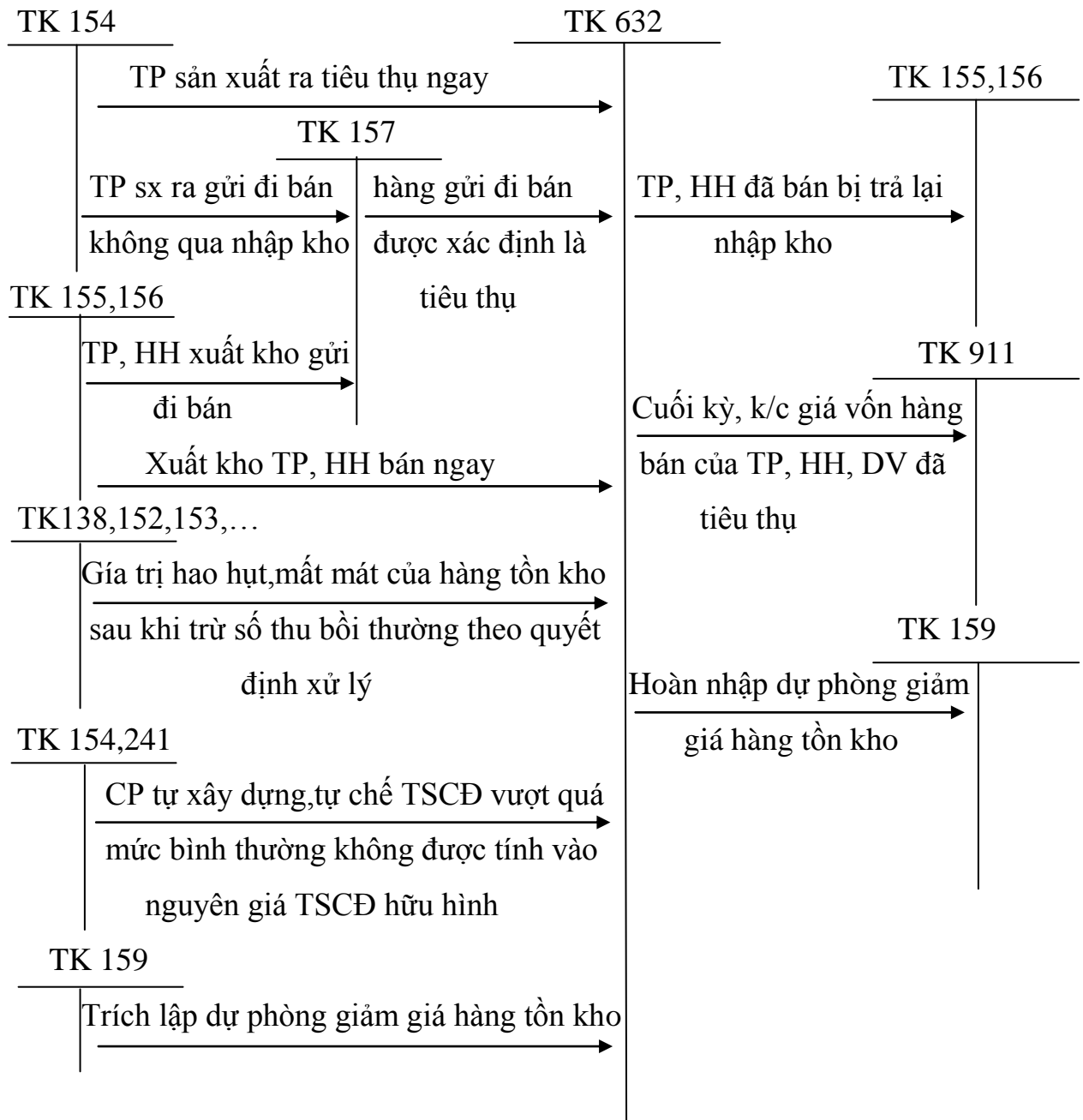
*** Theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh giá vốn của SP,HH,DV đã tiêu thụ trong kỳ. - Phản ánh CPNVL,CP nhân công vượt trên mức bình thường và CPSXC cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán. - Phản ánh khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐHH tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Giá vốn của hàng bán bị trả lại. - K/c giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh. 	
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



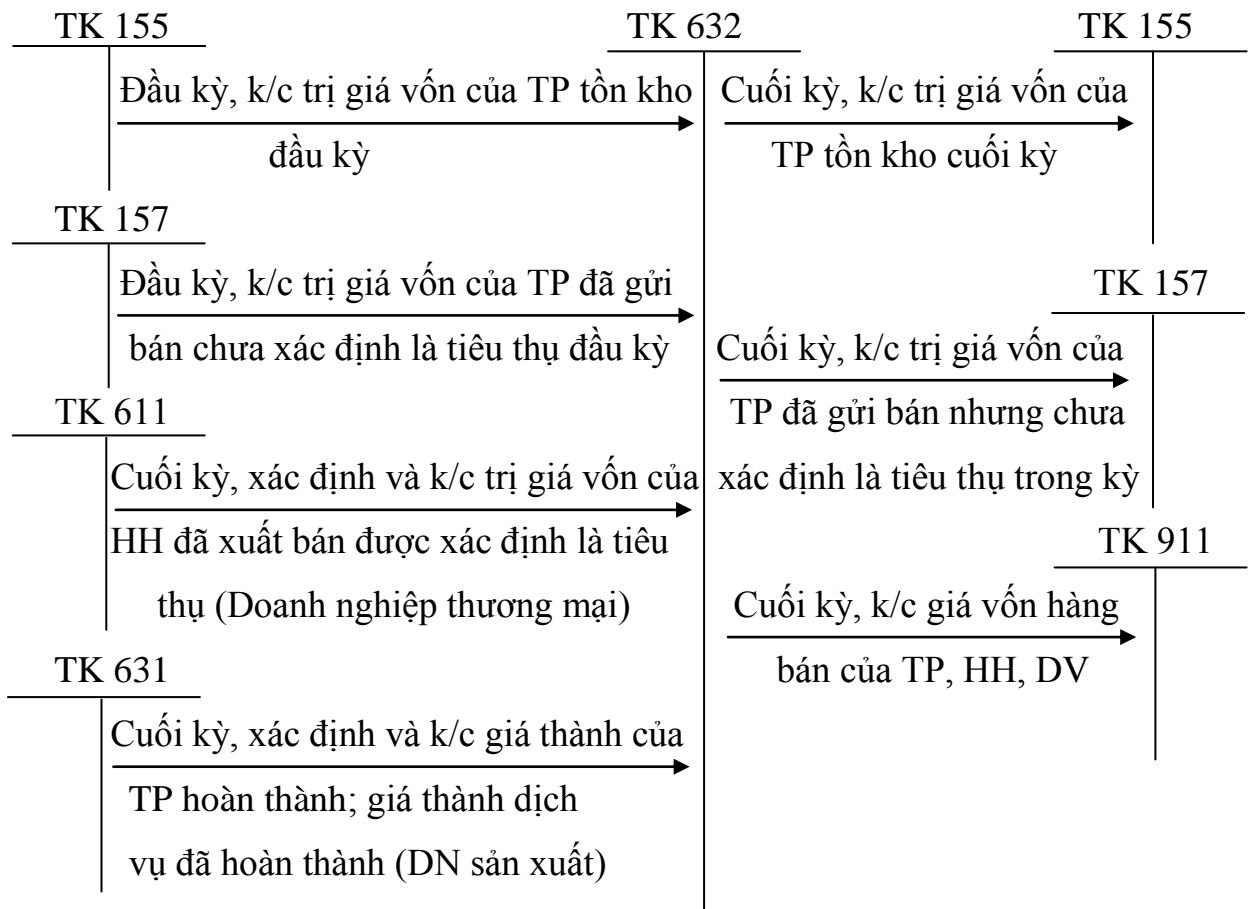
* Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn thành phẩm (TP) tồn kho đầu kỳ.		- K/c trị giá vốn TP tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155.
- Trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ đầu kỳ.		- K/c trị giá vốn hàng gửi bán chưa xác định tiêu thụ cuối kỳ vào bên Nợ TK157
- Tổng giá thành thực tế TP, lao vụ, DV đã hoàn thành.		- K/c giá vốn HH,TP,DV đã xuất bán sang TK 911- Xác định KQKD.
Σ Số phát sinh Nợ		Σ Số phát sinh Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 1.7: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.



1.5.4- Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

1.5.4.1- Kế toán chi phí bán hàng (CPBH).

* Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan.

* Tài khoản sử dụng:

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm,...

- TK 641 – Chi phí bán hàng. TK 641 có 7 TK cấp 2 như sau:
 - + TK 6411: Chi phí nhân viên.
 - + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
 - + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
 - + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - + TK 6415: Chi phí bảo hành.
 - + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 641

Nợ	TK 641	Có
- Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.		- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng (nếu có). - K/c chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911
<hr/> Σ Số phát sinh Nợ <hr/>		<hr/> Σ Số phát sinh Có <hr/>

TK 641 không có số dư cuối kỳ

1.5.4.2- Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN).

* Chứng từ kế toán sử dụng:

- Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và CC-DC, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ).

- Các chứng từ gốc có liên quan.

* Tài khoản kế toán sử dụng:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp. TK 642 có 8 TK cấp 2 như sau:

+ TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.

+ TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.

+ TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.

+ TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.

+ TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.

+ TK 6426: Chi phí dự phòng

+ TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

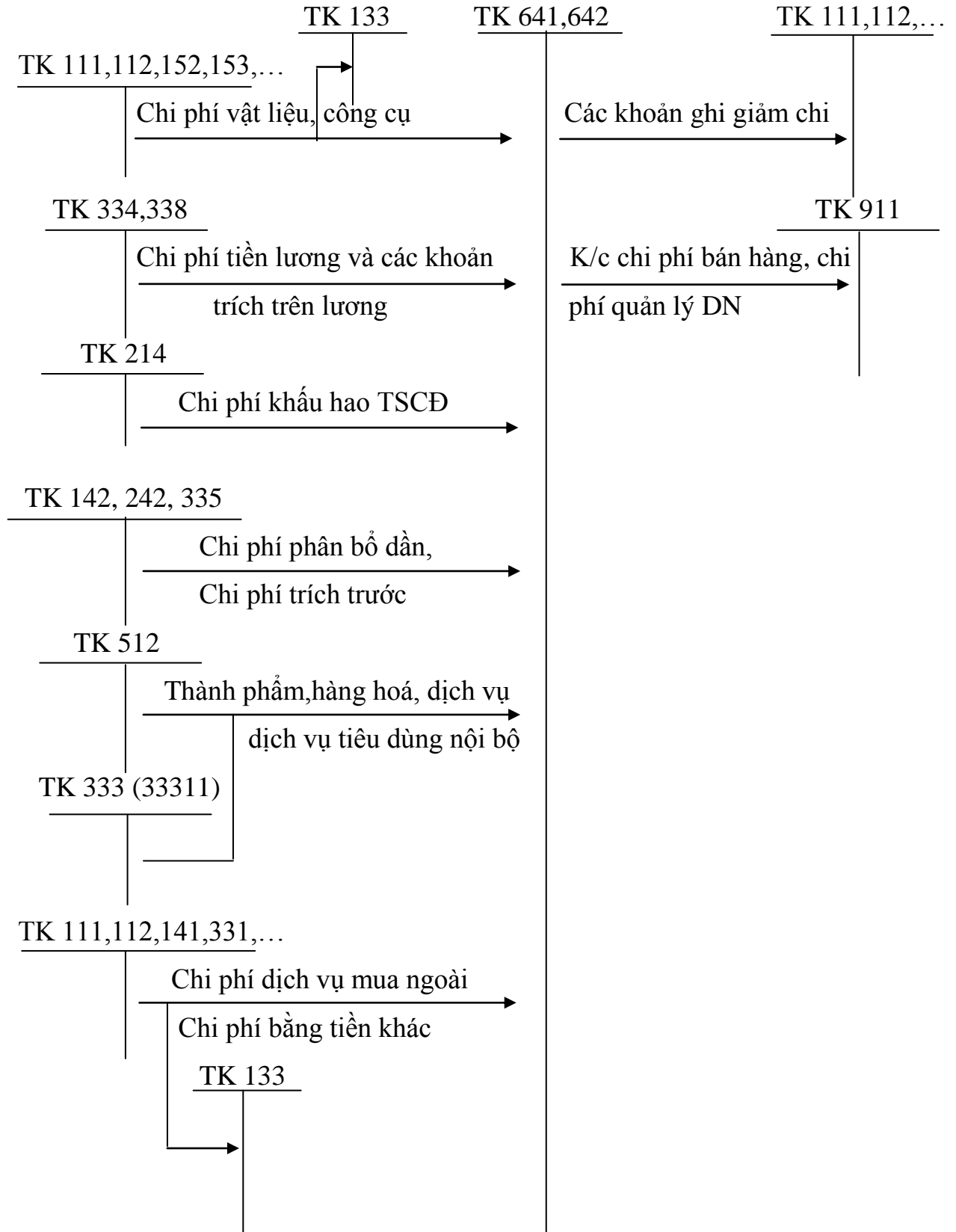
- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 642:

Nợ	TK 642	Có
- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.		- Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp. - K/c chi phí QLDN sang bên Nợ TK 911
<hr/> Σ Số phát sinh Nợ <hr/>		<hr/> Σ Số phát sinh Có <hr/>

TK 642 không có số dư cuối kỳ

1.5.4.3- Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN.

Sơ đồ 1.8: Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN



1.5.5- Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

* TK kế toán sử dụng:

- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. TK 821 bao gồm:

+ TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

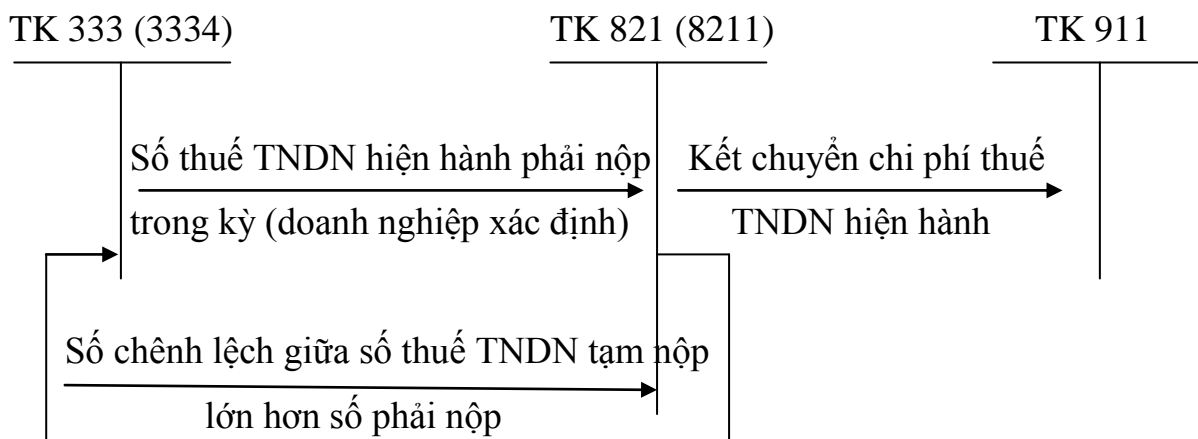
+ TK 8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm được - Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung. - Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại . lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TNDN phải nộp trong năm - Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện các sai sót của các năm trước. -Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn 	<ul style="list-style-type: none"> và ghi nhận tài sản thuế TN hoãn
<ul style="list-style-type: none"> - K/c chênh lệch giữa số phát sinh bên Có > hơn bên Nợ TK 8212 phát sinh trong năm 	<ul style="list-style-type: none"> K/c số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ > bên Có TK 8212 phát sinh 	<ul style="list-style-type: none"> trong năm vào bên Nợ TK 911.
\sum Số phát sinh bên Nợ		\sum Số phát sinh bên Có

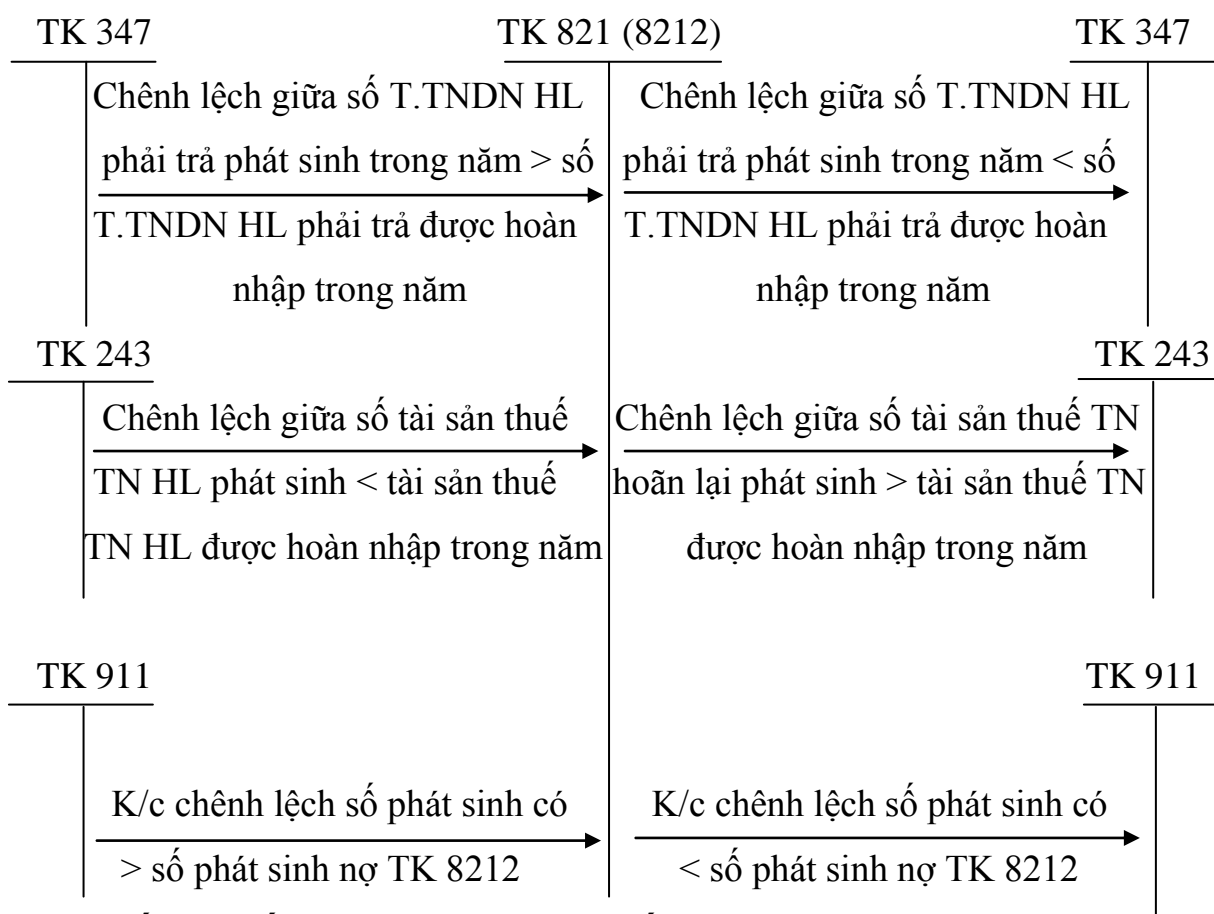
TK 821 không có số dư cuối kỳ

* Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9.1: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



Sơ đồ 1.9.2: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TNDN HL)



1.5.6- Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng).

* Tài khoản kế toán sử dụng:

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

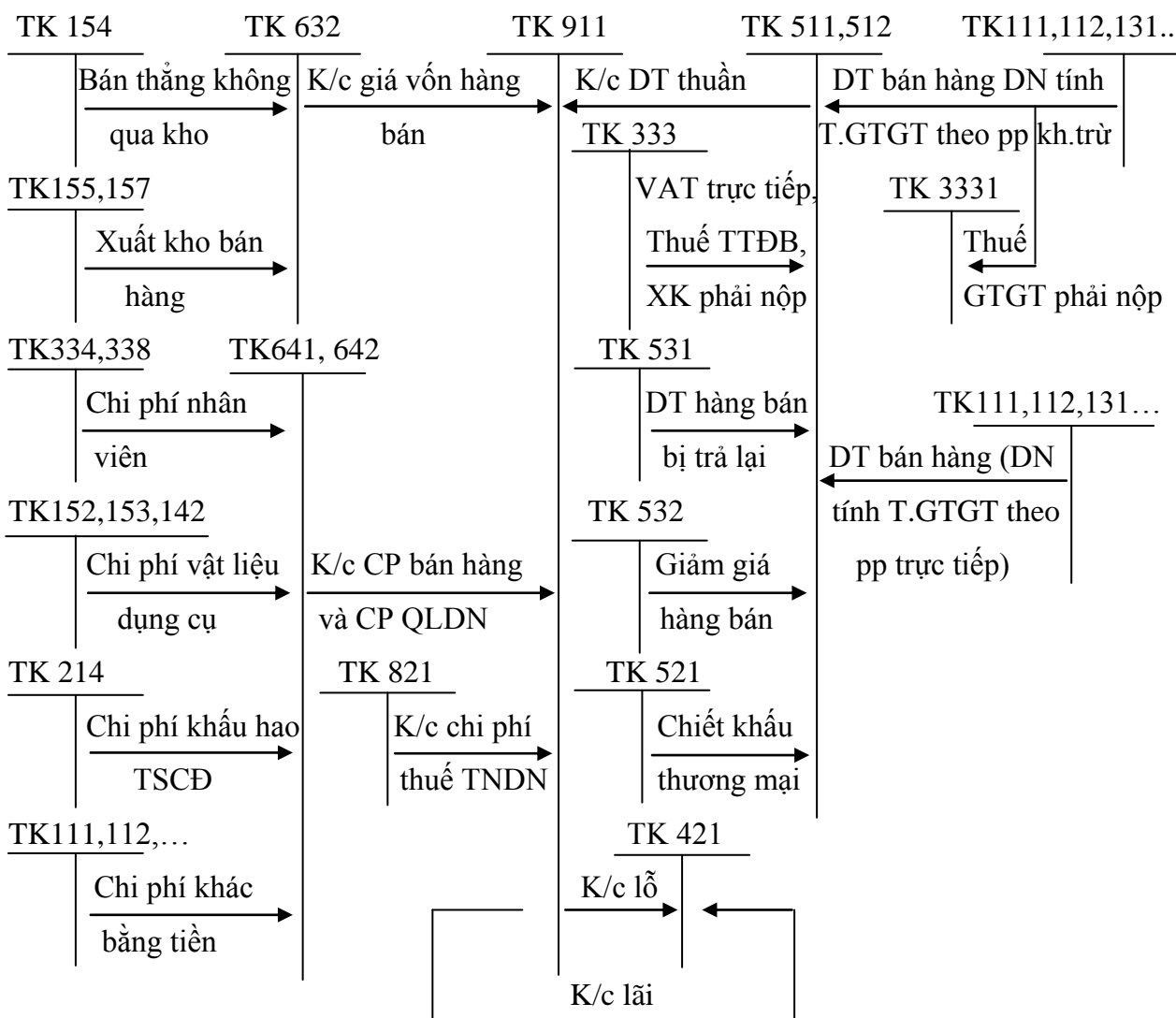
- Kế toán sử dụng TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.

- Kết cấu và nội dung phản ánh TK 911:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của SP,HH, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. - Chi phí bán hàng và chi phí QLDN - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác. - K/c lãi sau thuế. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số SP,HH,lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - K/c lỗ
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có
<i>TK 911 không có số dư cuối kỳ</i>		

*Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.10: Hạch toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh (bán hàng)



1.6- Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính.

1.6.1- Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi; Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác; Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn; ...

* Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính. Kết cấu TK 515:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)		- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
- K/c doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.		
<u>ΣSố phát sinh bên Nợ</u>		<u>ΣSố phát sinh bên Có</u>
<i>TK 515 không có số dư cuối kỳ</i>		

1.6.2- Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

* Tài khoản sử dụng:

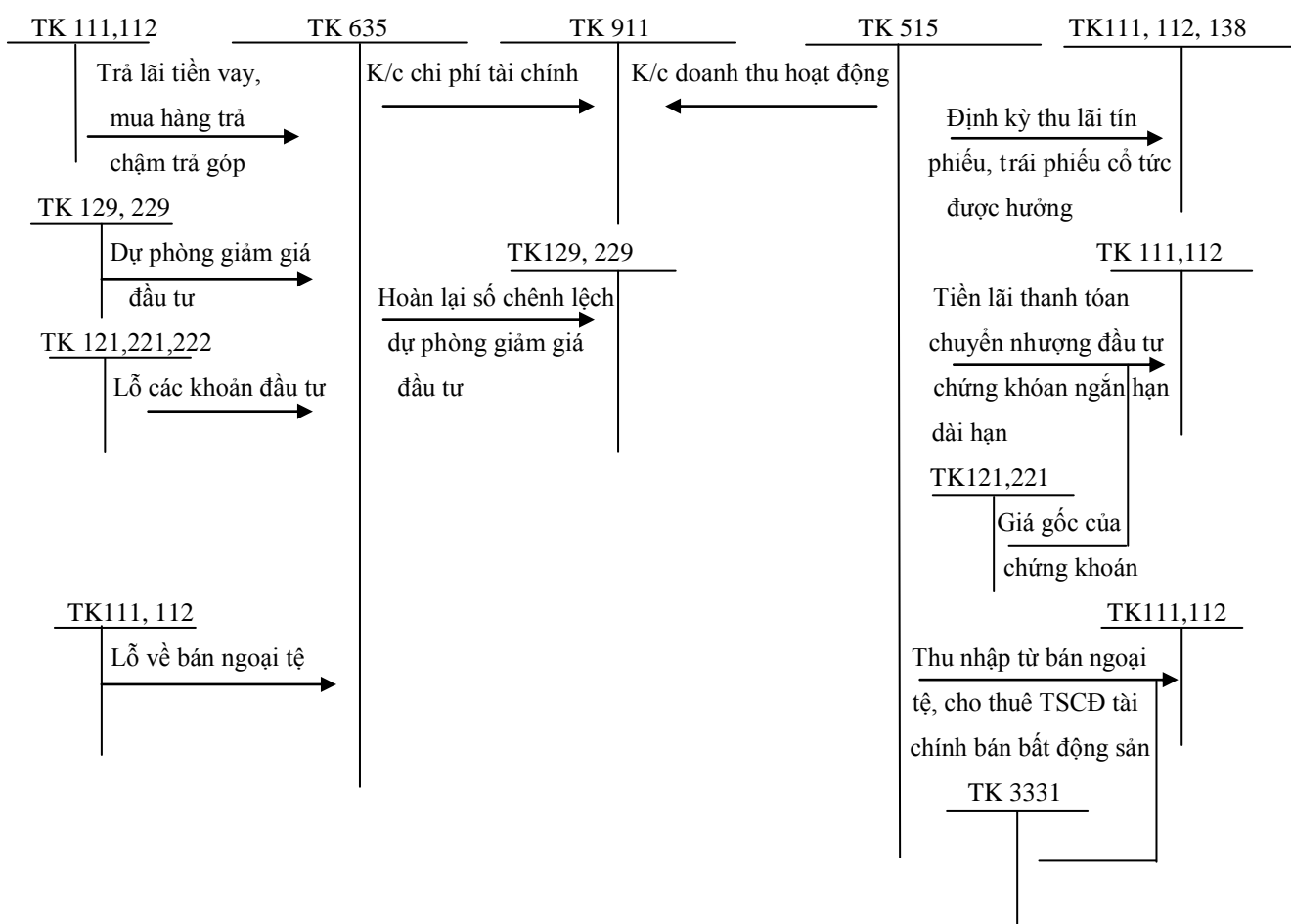
- Kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính. Kết cấu và nội dung TK 635:

Nợ	TK 635	Có
- Tập hợp toàn bộ các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính thực tế phát sinh trong kỳ, các khoản lỗ thuộc hoạt động tài chính và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, chi phí đất chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng được xác định là tiêu thụ.		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ, K/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

1.6.3- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính, chi hoạt động tài chính



1.7- Nội dung kế toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác

1.7.1- Kế toán thu nhập khác.

Là những khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ; Các khoản thuế được NSNN hoàn lại; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ HH, SP, DV không tính trong doanh thu (nếu có); Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của tổ chức, cá nhân tặng cho DN; Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản trên.

* Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác. Kết cấu TK 711 như sau:

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có) (ở DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp). - Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ.

1.7.2- Kế toán chi phí khác.

Là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh

tạo ra doanh thu của DN, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của DN gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chí phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu

có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác.

* Tài khoản sử dụng:

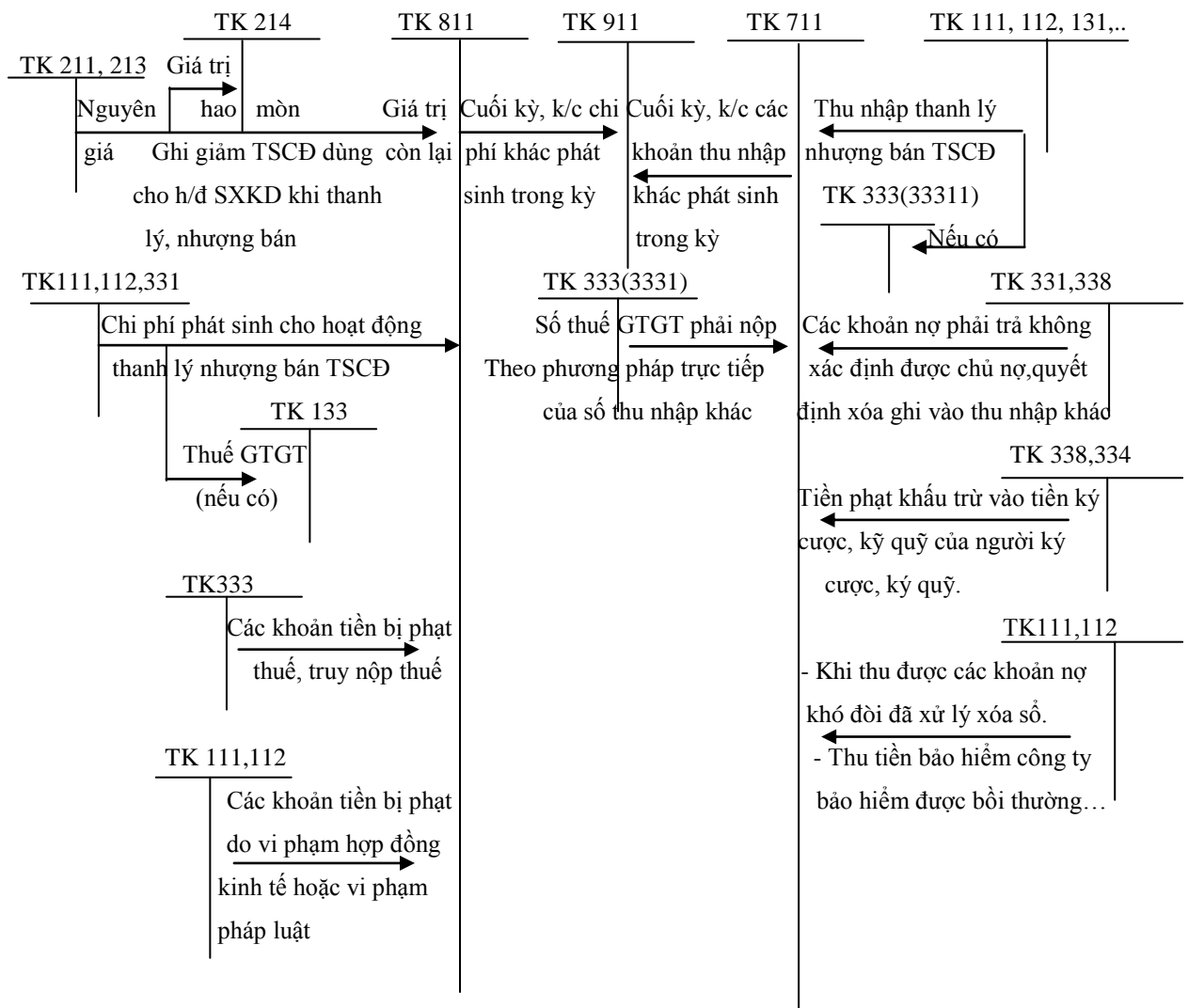
Kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác. Kết cấu TK 811 như sau:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh		- Cuối kỳ, k/c toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911.
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

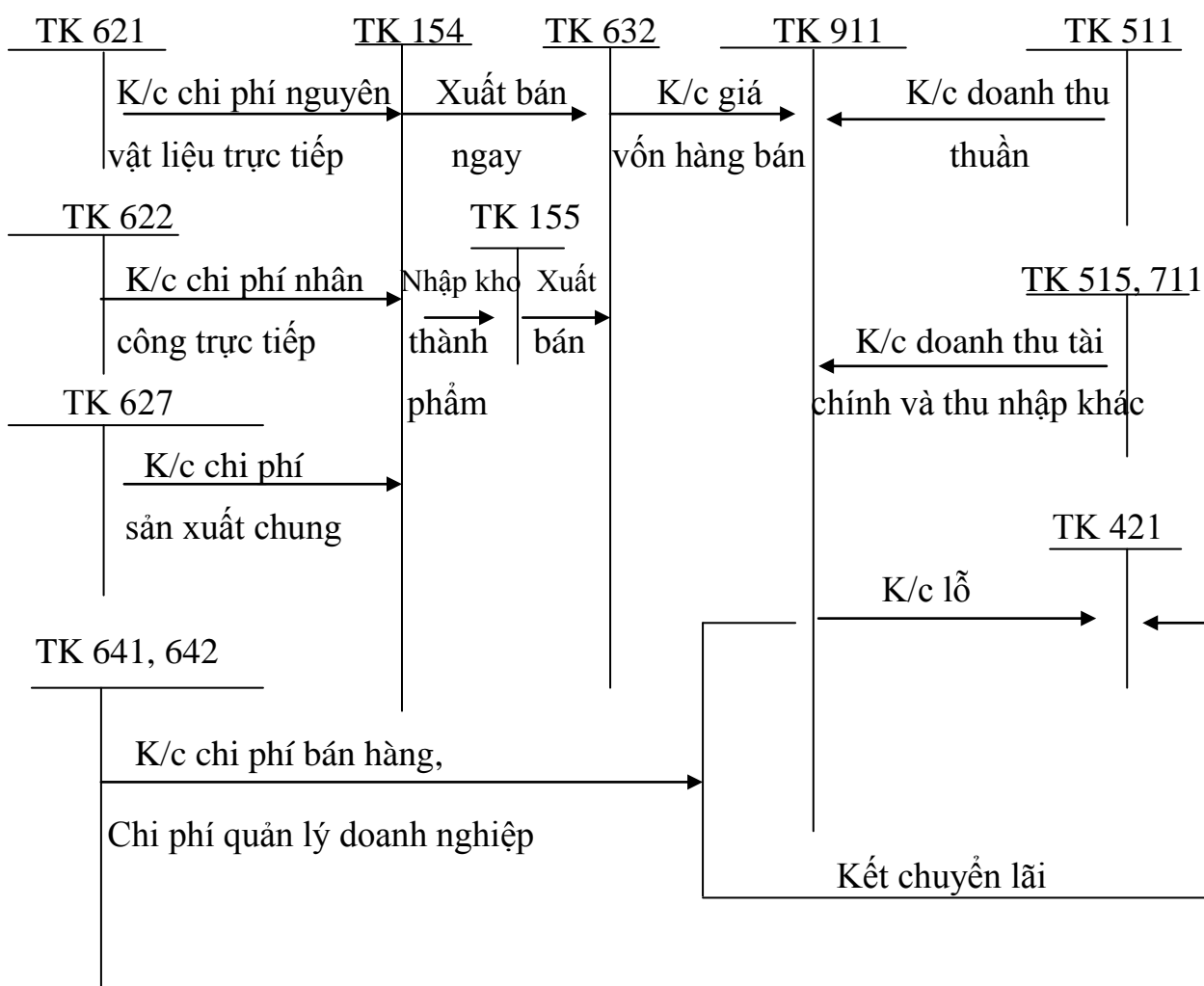
TK 811 không có số dư cuối kỳ

1.7.3- Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.12: Hạch toán thu nhập khác, chi phí khác



1.8- Sơ đồ 1.13: tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn DN



1.9- Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.

Để ghi chép, hệ thống hoá thông tin kế toán, doanh nghiệp phải sử dụng 1 hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động SXKD của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

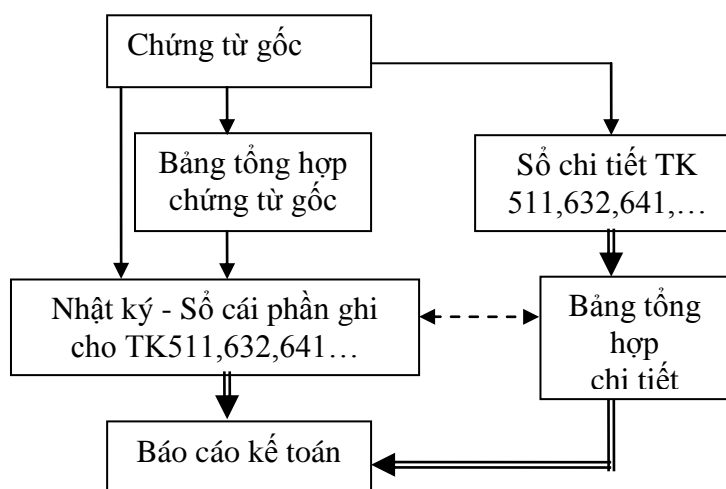
Hiện nay, các hình thức sổ sách được áp dụng là: Nhật ký - sổ cái, Nhật ký chung, Nhật ký chứng từ, Chứng từ ghi sổ, kế toán trên máy vi tính.

1.9.1- Hình thức Nhật ký - sổ cái.

-Đặc điểm: sử dụng Sổ Nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo hệ thống trên cùng một trang sổ.

-Ưu điểm: sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.

-Nhược điểm: khó phân công công việc.



Sơ đồ 1.14: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái

* **Ghi chú:** \longrightarrow : Ghi hàng ngày (định kỳ).

\Longrightarrow : Ghi vào cuối tháng (hoặc định kỳ).

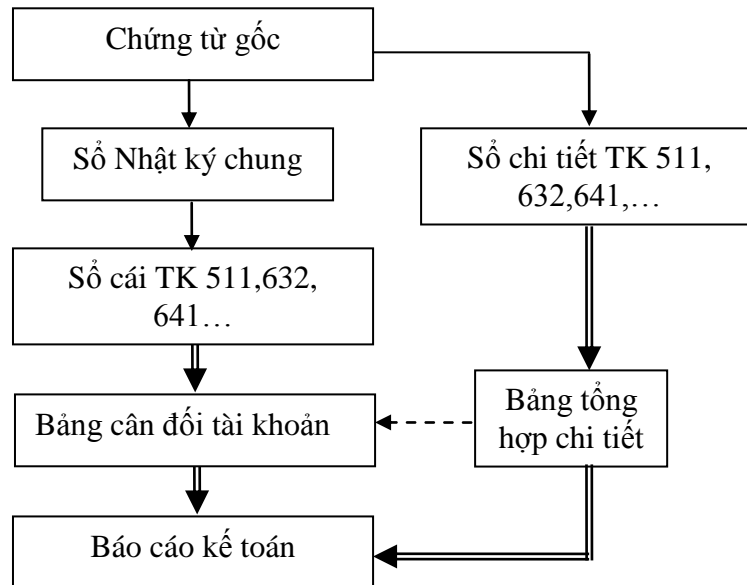
$\leftarrow\text{---}\rightarrow$: Đối chiếu, kiểm tra.

1.9.2- Hình thức Nhật ký chung.

-Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các TK vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK có liên quan.

-Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công công việc.

-Nhược điểm: việc ghi chép bị trùng lặp nhiều.



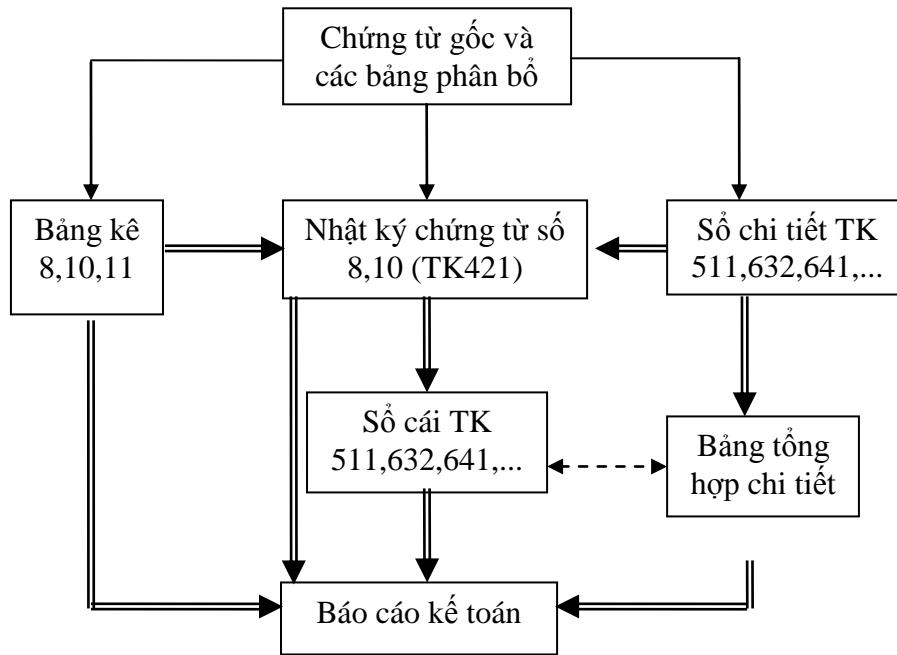
Sơ đồ 1.15: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chung

1.9.3- Hình thức Nhật ký chứng từ.

-Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản.

-Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.

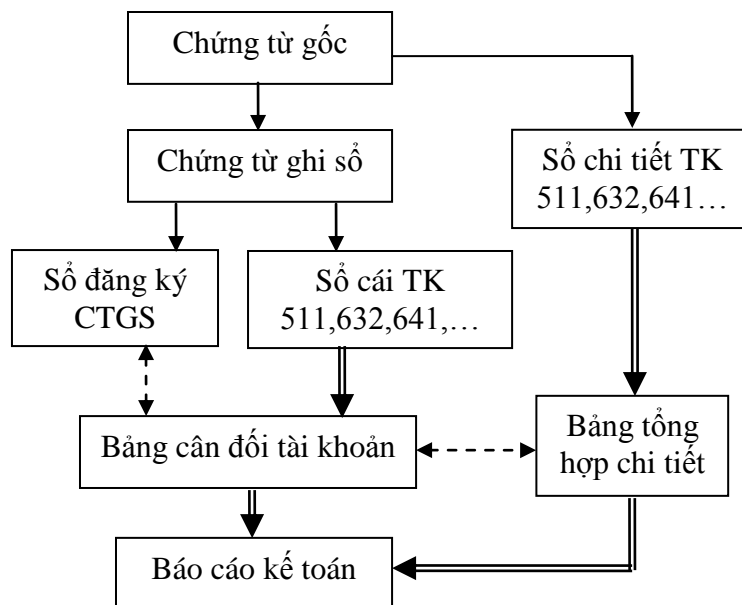
-Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hoá công tác kế toán.



Sơ đồ 1.16: Trình tự hạch toán theo hình thức Nhật ký chứng từ.

1.9.4- Hình thức Chứng từ ghi sổ.

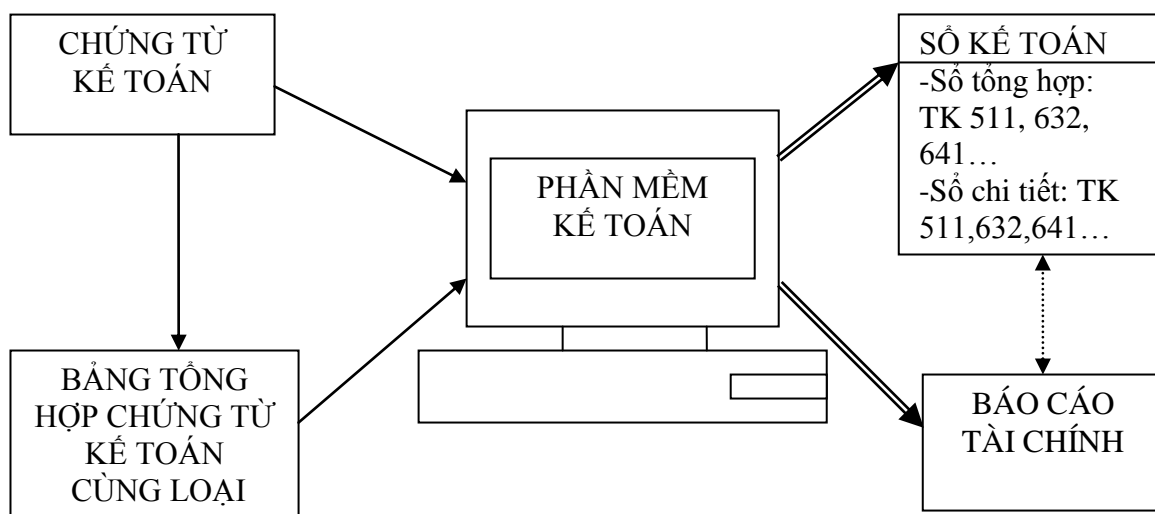
- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái tài khoản.
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.
- Nhược điểm: ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.



Sơ đồ 1.17: Trình tự hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

1.9.5- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiện thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.



Sơ đồ 1.18: Trình tự kế toán theo hình thức trên máy vi tính

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NGỌC HIẾU

2.1- Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu.

2.1.1- Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu là doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng và tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Cũng như các doanh nghiệp tư nhân khác Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu có quyền chủ động trong quan hệ tìm kiếm việc làm, khai thác vật tư, kiểm soát nguồn vốn và lao động cũng như ký hợp đồng kinh tế và mở tài khoản tại ngân hàng.

Tháng 04 năm 2006 Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu được thành lập theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0202003318 do sở kế hoạch và đầu tư Hải phòng cấp ngày 8 tháng 3 năm 2006.

Tên Công ty : Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu.

Trụ sở chính : Số 8 Máy Tơ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0313 550316

Fax : 0313 836485

*** Thuận lợi:**

- Trụ sở chính của Công ty đặt ở nơi khá thuận lợi cho việc giao dịch và kinh doanh, trao đổi thông tin về kinh tế thị trường, điều đó giúp Công ty chủ động lựa chọn phương án kinh doanh, đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường trong mọi tình huống.

- Địa bàn hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, nên vừa có khả năng mở rộng đầu ra, vừa được hưởng những tiện ích của cơ sở

hạ tầng, nhất là giao thông, cảng biển. Thuận lợi này sẽ tạo ra những lợi thế t-ong đối cho Công ty trong quá trình phát triển .

- Chủ tr-ong đẩy mạnh Công nghiệp hoá hiện đại hoá nền kinh tế Đất n-ớc trong thời kỳ 2005-2010, sẽ tạo cho Công ty có nhiều cơ hội mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nhất là chủ tr-ong xây dựng cơ sở hạ tầng của cả nền kinh tế .

- Hoạt động của nền kinh tế ngày càng đi vào nề nếp theo hệ thống pháp luật hiện hành, sẽ là thời cơ cho những Công ty làm ăn trung thực nh- Công ty. Môi tr-ờng cạnh tranh lành mạnh sẽ giúp cho Công ty mở rộng mối quan hệ bình đẳng với các tổ chức và cá nhân khác trong nền kinh tế.

- Tinh thần đoàn kết của lãnh đạo Công ty và cán bộ công nhân viên trong Công ty cao, hài hoà, cán bộ công nhân viên hăng say làm việc, coi việc của cơ quan như việc của nhà.

- Có nhiều khách hàng truyền thống

* **Khó khăn:**

- Công ty mới thành lập và đi vào hoạt động đúng trong thời kỳ Đảng và Nhà n-ớc ta chủ tr-ong đẩy mạnh sức cạnh tranh của nền kinh tế, nên Công ty phải đ-ong đầu nhiều hơn với những rủi ro trong sản xuất kinh doanh, nhất là những tác động từ các đối tác n-ớc ngoài .

2.1.2- Đặc điểm sản phẩm, tổ chức sản xuất – kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Đặc điểm hoạt động SXKD của Công ty là kinh doanh thương mại, do đó Công ty thực hiện nhiệm vụ mua bán, trao đổi các sản phẩm hàng hóa chủ yếu sau: Kinh doanh hàng kim khí, hoá chất thông th-ờng, vật liệu xây dựng.

Bên cạnh đó công ty còn thực hiện các dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá.

2.1.3- Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu chuyên kinh doanh cung cấp các hàng hóa sắt thép các loại, vật liệu xây dựng tới các doanh nghiệp hoặc cá nhân nên doanh thu chủ yếu của công ty là từ bán hàng.... Ngoài ra, công ty còn có các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty là khoản lãi tiền cho vay, tiền gửi ngân hàng.
- Thu nhập khác là khoản thu từ vận chuyển, lưu kho, thanh toán tiền công nhân viên, thanh toán thu nhập công nợ...
- Chi phí sản xuất kinh doanh của công ty bao gồm các khoản chi phí sau:
 - + Chi phí bán hàng của công ty gồm các chi phí như: chi phí vận chuyển bán hàng, chi phí quảng cáo, phí dịch vụ ngân hàng, phí công tác trong nước.....
 - + Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bao gồm các chi phí như: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.
 - + Chi phí tài chính của Công ty là khoản chi phí lãi vay như: tiền lãi vay vốn huy động.

Kết quả kinh doanh của công ty được xác định vào cuối mỗi tháng. Đó chính là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và khoản chi phí khác.

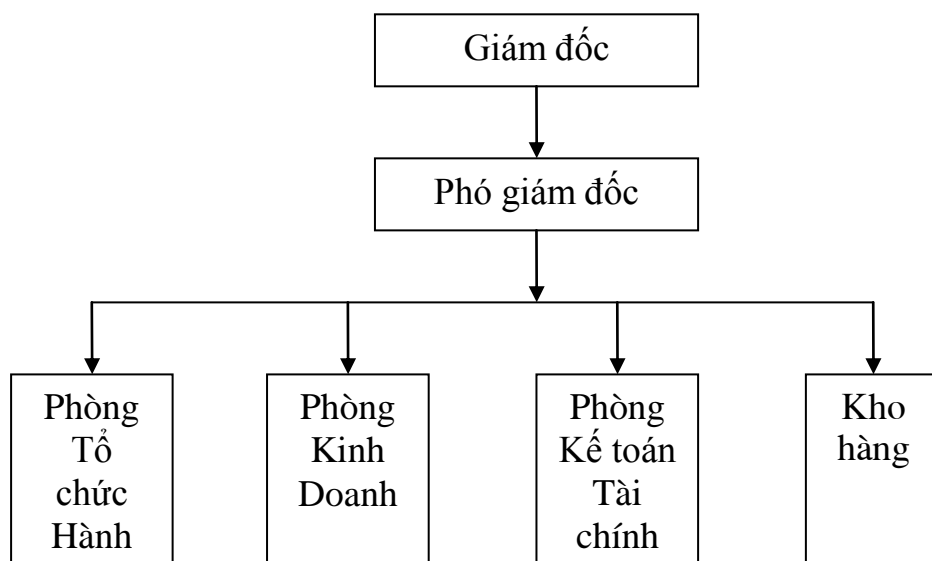
2.1.4- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12.

Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty được hạch toán theo tháng.

2.1.5- Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu tổ chức quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng. Với cơ cấu này, các phòng ban chức năng được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.1) :



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu

Từ các hướng dẫn của các văn bản pháp luật và các quy định về cấp trên, Công ty áp dụng chế độ một thủ trưởng. Bộ máy hoạt động quản lý cấp cao của Công ty bao gồm một Giám đốc và một Phó Giám đốc và các phòng ban trực thuộc. Vì thế người quản lý cấp cao nhất là Giám đốc Công ty. Người sử dụng tất cả các biện pháp kinh tế, hành chính tổ chức để điều chỉnh hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm chính về mọi mặt hoạt động của Công ty.

- **Giám đốc:** là người đứng đầu, đại diện cho tư cách pháp nhân của Công ty và là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Phó giám đốc:** chịu trách nhiệm điều hành và giải quyết những vấn đề thuộc nội bộ Công ty, nghiên cứu thu tóm các thông tin thị trường và hoạt động của Công ty ngoài thị trường. Phó giám đốc giúp giám đốc chỉ huy mọi hoạt động của Công ty.

- **Phòng tổ chức hành chính:** có nhiệm vụ giúp Giám đốc trong công tác tổ chức văn thư, bảo hiểm lao động và các công tác hành chính khác, theo đúng pháp luật, đúng quy định của Nhà nước.

- **Phòng kinh doanh:** có chức năng chủ yếu là kinh doanh đảm bảo nguồn hàng và cân đối nguồn hàng trong toàn Công ty tìm kiếm nguồn hàng, ký kết hợp

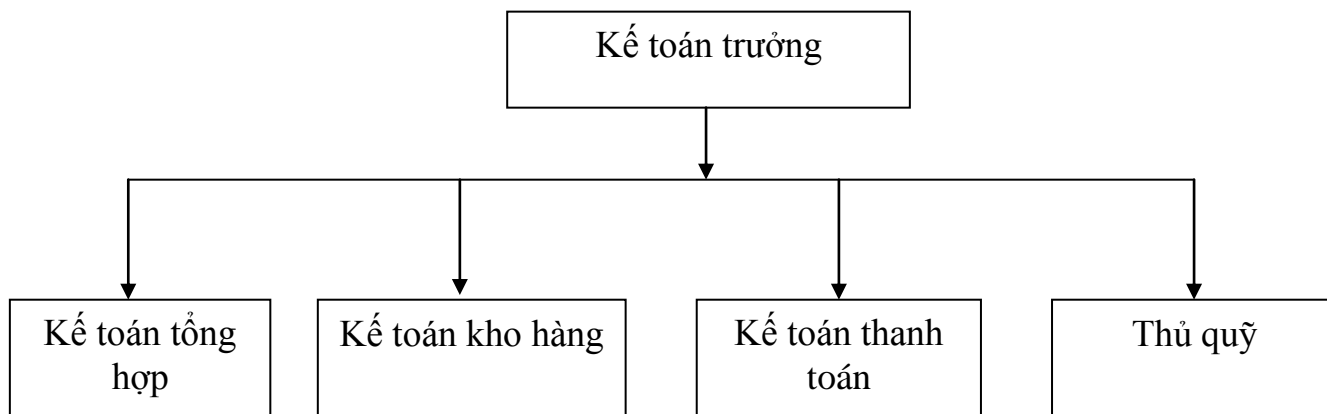
đồng kinh tế và xây dựng chiến lược kinh doanh, tìm hiểu mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa cho Công ty và chịu trách nhiệm về kinh doanh trước Giám đốc Công ty.

- **Phòng kế toán:** có nhiệm vụ giúp Giám đốc Công ty trong việc quản lý tài chính, xây dựng các kế hoạch tài chính ngắn hạn, dài hạn, thực hiện công tác kế toán thống kê của Công ty. Quản lý và thực hiện chặt chẽ chế độ tài vụ của Công ty theo đúng nguyên tắc quy định của Nhà nước và ban giám đốc của Công ty. Hoàn thành việc quyết toán sổ sách và báo cáo tài chính, lưu trữ và bảo mật hồ sơ chứng từ...Thực hiện đúng nguyên tắc về chế độ tiền lương, thưởng theo quy định. Quản lý trực tiếp các quỹ của công ty, theo dõi và báo cáo kịp thời tình hình tài chính cho giám đốc.

- **Kho hàng:** Nơi nhập xuất các loại hàng hoá: Sắt, thép vật liệu xây dựng đáp ứng nhu cầu của Công ty.

2.1.6- Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Tổ chức bộ máy kế toán Công ty theo mô hình tập trung chuyên sâu mỗi người trong phòng kế toán được phân công phụ trách một công việc nhất định do vậy công tác kế toán tại Công ty là tương đối hoàn chỉnh hoạt động không bị chồng chéo lên nhau. Mô hình bộ máy kế toán được thể hiện qua sơ đồ sau (sơ đồ 2.2):



Sơ đồ 2.2 - Mô hình bộ máy kế toán tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu

Nhiệm vụ từng bộ phận:

Các nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ xuất phát từ sự phân công lao động phần hành trong bộ máy kế toán. Mỗi cán bộ nhân viên đều được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

- *Kế toán trưởng*: Chịu trách nhiệm trước giám đốc và các cơ quan pháp luật về toàn bộ công việc kế toán của mình tại Công ty. Có nhiệm vụ theo dõi chung, chịu trách nhiệm hướng dẫn tổ chức phân công kiểm tra các công việc của nhân viên kế toán, đồng thời phải ký duyệt quyết toán quý, năm theo đúng quá trình kinh doanh.

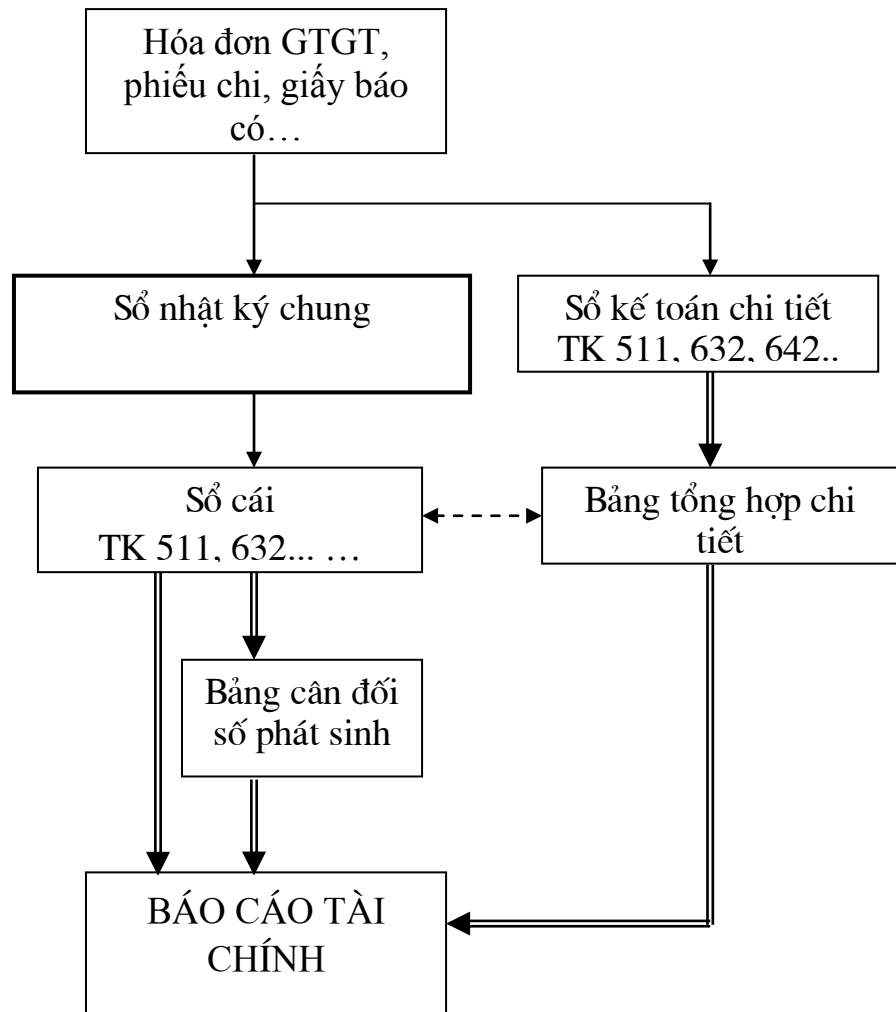
- *Kế toán tổng hợp*: Tập hợp toàn bộ các chi phí chung của Công ty và các hoạt động dịch vụ khác của Công ty. Giữ Sổ Cái tổng hợp cho tất cả các phần hành và ghi sổ cái tổng hợp của Công ty. Kế toán thuế, kế toán Ngân hàng, quản lý các hoá đơn, lập các báo cáo tài chính và báo cáo kế toán.

- *Kế toán thanh toán*: Có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra các nghiệp vụ thu, chi tiền mặt, giao dịch ngân hàng về các nghiệp vụ liên quan đến chuyển khoản vay ngân hàng, bảo lãnh, cuối tháng thanh toán tiền lương phụ cấp và các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên, theo dõi kê khai và quyết toán các khoản thuế. Có nhiệm vụ theo dõi các khoản công nợ phải thu và phải trả, theo từng đối tượng và thời gian cụ thể để có kế hoạch thu hồi công nợ và thanh toán cho người cung cấp, hàng tháng tiến hành đi đối chiếu công nợ với khách hàng

- *Kế toán kho hàng*: Chịu trách nhiệm về kế hoạch khối lượng, chất lượng, chất lượng hàng hoá mua vào, lập bảng kê hàng hoá mua vào, giá mua hàng, theo dõi và phối hợp với kế toán thanh toán để đề xuất phương án mua hàng đáp ứng nhu cầu về hàng hoá, đảm bảo dự trữ hàng tồn kho hợp lý, trực tiếp theo dõi hàng tồn kho của Công ty.

- *Thủ quỹ*: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, phản ánh thu, chi, tồn quỹ tiền mặt hàng ngày đối chiếu tồn quỹ thực tế với sổ sách để phát hiện những sai sót và xử lý kịp thời đảm bảo tồn quỹ thực tế tiền mặt cũng bằng số dư trên sổ sách.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung.



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Với hình thức kế toán nhật ký chung, hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc để lập định khoản kế toán ghi trực tiếp vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian sau đó căn cứ vào sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái. Cuối tháng

tổng hợp số liệu của sổ cái và lấy số liệu của sổ cái ghi vào bảng cân đối phát sinh các tài khoản tổng hợp.

Đối với các tài khoản có mở các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ nhật ký phải căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết liên quan, cuối tháng cộng sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào đó lập các bảng tổng hợp chi tiết của từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu, bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ để lập bảng tổng kết tài sản và các báo biểu kế toán khác.

*** Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- + Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty: Nhật ký chung.
- + Đơn vị tiền tệ áp dụng: đồng Việt Nam (VNĐ).
- + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- + Hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

2.2- Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu

2.2.1- Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động bán hàng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

2.2.1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty là thương mại vì vậy công ty rất chú trọng tới công tác bán hàng. Công ty có các hình thức bán hàng như bán buôn và bán lẻ hàng hóa.

*** Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL)
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Phiếu thu.

*** Tài khoản sử dụng:**

TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Kết cấu của TK 511:

- Bên nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

+ Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 (Xác định kết quả kinh doanh)

- Bên có: Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ.

Ở công ty không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nên không sử dụng tài khoản phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu (TK 531, TK 532, TK 521)

*** Quy trình hạch toán:**

Hàng ngày khi phát sinh nghiệp vụ liên quan đến doanh thu, căn cứ vào hóa đơn GTGT và hình thức thanh toán của khách hàng (căn cứ theo hợp đồng kinh tế giữa bên bán và bên mua) kế toán lập chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu nếu khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, Giấy báo có của ngân hàng nếu thanh toán bằng chuyển khoản.... Từ các chứng từ gốc trên kế toán tập hợp vào sổ Nhật ký chung. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 511, 131... đồng thời ghi sổ chi tiết TK 511, 131...

Cuối tháng căn cứ vào sổ kế toán chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết, đối chiếu sổ cái TK 131 với bảng tổng hợp chi tiết phải thu của khách hàng, sau đó tổng hợp số liệu từ các sổ cái, bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết, kế toán lập báo cáo tài chính.

VD: (trích nghiệp vụ)

1- Ngày 21/12/2009 Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu bán hàng cho Công ty cổ phần vận tải và cung ứng xăng dầu theo HĐ GTGT số 010288.

Căn cứ vào HĐ GTGT kế toán lập phiếu xuất kho và giao hàng cho bên mua theo biên bản giao nhận vật tư hàng hóa.

Từ các chứng từ gốc của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán tập hợp vào:

- Sổ nhật ký chung (biểu 2.4)
- Sổ cái TK 511 (biểu 2.5)

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		PE/2009B			
Liên 3: Lưu nội bộ		0010288			
<i>Ngày 21 tháng 12 năm 2009</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Ngọc Hiếu					
Địa chỉ: Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:..... MS: 0200661889					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Hằng					
Tên đơn vị: Công ty CP vận tải và cung ứng Xăng Dầu					
Địa chỉ: Số 66 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:..Chuyển khoản....MS: 0200458904					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép tấm 6 ly x 1500 x 6000	Kg	6.782,4	9.619,05	65.240.224
Cộng tiền hàng:					65.240.224
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT:			3.262.016
Tổng cộng tiền thanh toán:					68.502.240
Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi tám triệu, năm trăm linh hai ngàn, hai trăm bốn mươi đồng.					
Người mua hàng Nguyễn Thị Hằng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị Nguyễn Thị Nhạn	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu 2.1: Hoá đơn GTGT

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

VIB	GIẤY BÁO CÓ	Số (Seq. No.)	0091000101194
	CREDIT ADVICE	Ngày (date)	31/12/2010
		Giờ (time)	02 :13 :56 PM

Chi nhánh (*Branch name*): Chi nhánh Hải Phòng

Mã số thuế (*Branch VAT code*): 0100233488-002

Mã số Khách hàng: 00087997 **CÔNG TY TNHH TM NGỌC HIẾU**

Client No.

Số TK/ Tên TK: 009704060014017 **CÔNG TY TNHH TM NGỌC HIẾU**

RB AC No/ AC Name

Nội dung: **CÔNG TY CP VT VÀ CUNG ỨNG XÃNG DẦU** trả tiền hàng

Narrative

Tên và địa chỉ người chuyển **NHCT LE CHAN**

Số tiền bằng chữ: **Số tiền** (Credit amount in figures & ccy code) 68.502.240

Credit amount in words

Sáu tám triệu, năm trăm linh hai ngàn, hai trăm bốn mươi đồng.

Số dư (Ledger Balance & ccy): 1.868.449.808 VND

GIAO DỊCH VIÊN/ NV NGHIỆP VỤ

User ID

KIỂM SOÁT

Override user ID

Biểu 2.2: Giấy báo có

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Tên đơn vị : Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Địa chỉ : Số 8 Máy Tơ - NQ - HP

Mẫu số : 01- VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 29/12

Họ và tên ng- ời nhận hàng : Nguyễn Thị Hằng

Địa chỉ: Công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu

Lý do xuất kho : Xuất bán hàng

Xuất tại kho : Kho Sỡ Dầu

Địa điểm: Hải Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, vật t, dụng cụ sản phẩm hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số l ượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép tấm 6 ly x 1500 x 6000		Kg	6.782,4	6.782,4	9.523,8	64.594.221

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Sáu m ươi t ị triệu, năm trăm chín m ươi t ị ngàn, hai trăm hai m ột đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ng ười lập phiếu Ng ười giao hàng Thủ kho Kế toán tr ờng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3: Phiếu xuất kho

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng Từ		Diễn giải	Tài Khoản Đối ứng		Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
.....
21/12	HĐ 10288	21/12	Bán hàng cho công ty CP vận tải và cung ứng xăng dầu	112		68.502.240	
					511		65.240.224
					3331		3.262.016
	PX 29/12	31/12	Xuất kho giá vốn hàng bán	632		64.594.221	
					156		64.594.221
						
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	632		22.305.924.211	
					911		22.305.924.211
			Cộng phát sinh tháng 12			139.463.753.285	139.463.753.285
			Cộng phát sinh cả năm			1.222.750.368.080	1.222.750.368.080

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(ký,họ tên)

Kế toán
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên)

Biểu 2.4: Sổ Nhật ký chung

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Sổ cái
Năm 2009
Tên TK: Doanh thu bán hàng
Số hiệu TK: 511

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
21/12	HĐ 10288	21/12	Doanh thu bán hàng	112		65,240,224
22/12	HĐ 10289	22/12	Doanh thu bán hàng	112		761,900,000
	HĐ 10290	22/12	Doanh thu bán hàng	112		14,077,404
	HĐ 10291	22/12	Doanh thu bán hàng	112		37,680,000
	HĐ 10292	22/12	Doanh thu bán hàng	112		382,143,686
			
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	911	23,517,432,452	
			Cộng phát sinh cả năm		188.692.835.589	188.692.835.589
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.5: Sổ cái TK 511
Nguồn dữ liệu: trích số liệu phòng kế toán

Phiếu kế toán
Ngày 31/12/2009

Số 81

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511		23,517,432,452			
			911	23,517,432,452			
	Cộng			23,517,432,452			

Biểu 2.6 : Phiếu kế toán
Nguồn số liệu : Trích số liệu phòng kế toán

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Căn cứ vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và doanh thu chủ yếu là từ bán buôn và bán lẻ hàng hóa, do vậy phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Theo phương pháp này giá trị hàng xuất kho được tính theo **công thức** :

$$\begin{array}{l}
 \text{Giá đơn vị} \\
 \text{bình quân} \\
 \text{cả kỳ hàng i}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá thực tế} \\
 \text{hàng i} \\
 \text{tồn đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{giá thực tế} \\
 \text{hàng i} \\
 \text{nhập trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Lượng thực tế} \\
 \text{hàng i tồn đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Lượng thực tế} \\
 \text{hàng i nhập trong kỳ}
 \end{array}
 }$$

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 632 – Giá vốn hàng bán.

Kết cấu tài khoản :

- Bên nợ :Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ
- Bên có : Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 (xác định kết quả kinh doanh)
- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

VD: (trích nghiệp vụ)

Ngày 26/12/2009 Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu bán hàng cho công ty cổ phần xây dựng 203 theo HĐ GTGT số 0010297.

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0010297 (biểu 2.7) và phiếu xuất kho(biểu 2.8) kế toán ghi sổ kế toán chi tiết TK 632(biểu 2.9) và sổ nhật ký chung (biểu 2.10)

Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 632 (biểu 2.11)

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		PE/2009B			
Liên 1: Lưu		0010297			
<i>Ngày 26 tháng 12 năm 2009</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại Ngọc Hiếu					
Địa chỉ: Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại:..... MS: 0200661889					
Họ tên người mua hàng: Lê Như Vinh					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng 203					
Địa chỉ: Số 24 Tản Viên - Thượng Lý - Hồng Bàng - HP					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:..Chuyển khoản....MS: 0200156815					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép cây phi 12	Kg	30.800	11.904,76	366.666.608
Cộng tiền hàng:					366.666.608
Thuế suất GTGT: 5%		Tiền thuế GTGT:			18.333.330
Tổng cộng tiền thanh toán:					384.999.938
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm tám mươi tư triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn, chín trăm ba tám đồng.					
Người mua hàng Lê Như Vinh		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu 2.7: Hoá đơn GTGT

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Tên đơn vị : Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Địa chỉ : Số 8 Máy Tơ - NQ - HP

Mẫu số : 01- VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Số: 48/12

Họ và tên ng- ời nhận hàng : Lê Như Vinh

Địa chỉ: Công ty CP xây dựng 203

Lý do xuất kho : Xuất bán hàng

Xuất tại kho : Kho Sủ Dầu Địa điểm: Hải Phòng

STT	Tên, nhân hiệu, quy cách, vật t, dụng cụ sản phẩm hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép cây phi 12		Kg	30.800	30.800	11.871,96	365.656.368

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : *Ba trăm sáu lăm triệu, sáu trăm năm sáu ngàn, ba trăm sáu tám đồng.*

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập phiếu Người giao hàng Thủ kho Kế toán tr ờng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.8: Phiếu xuất kho

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

SỔ CHI TIẾT

Tháng 12/2009

Tên TK: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số PS	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
					
31/12	PX 48/12	31/12	Xuất kho giá vốn hàng bán	156	365,656,368	
			
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		22,305,924,211
			Cộng phát sinh		22,305,924,211	22,305,924,211

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.9: Sổ kế toán chi tiết TK 632
Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng Từ		Diễn giải	Tài Khoản		Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Đối ứng		Nợ	Có
.....
26/12	HĐ 10297	26/12	Bán hàng cho công ty CP Xây dựng 203	131		384.999.938	
					511		366.666.608
					3331		18.333.330
	PX 48/12	31/12	Xuất kho giá vốn hàng bán	632		365.656.368	
					156		365.656.368
						
31/12	PKT 82	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		22.305.924.211	
					632		22.305.924.211
			Cộng phát sinh cả năm				

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(ký,họ tên)

Kế toán
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên)

Biểu 2.10: Sổ Nhật ký chung

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 - Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Sổ cái
Năm 2009
Tên TK: Giá vốn hàng bán
Số hiệu TK: 632

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		...	
31/12	PX 48/12		Trị giá vốn hàng bán ra	156	365.656.368	
	...					
	PKT 82		Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		22,305,924,211
			
			Cộng phát sinh cả năm		185.118.480.646	185.118.480.646
			Số dư cuối kỳ		-	

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.11: Sổ cái TK 632
Nguồn dữ liệu: trích số liệu phòng kế toán

Phiếu kế toán
Ngày 31/12/2009

Số 82

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		22,305,924,211			
			632	22,305,924,211			
	Cộng			22,305,924,211			

Biểu 2.12 : Phiếu kế toán
Nguồn số liệu : Trích số liệu phòng kế toán

2.2.1.3 - Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

*** Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Ủy nhiệm chi.
- Phiếu kế toán.

*** Tài khoản sử dụng:**

Tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu kế toán sử dụng TK 642 (chi phí quản lý doanh nghiệp) bao gồm:

- TK 6421 (chi phí bán hàng)
- TK 6422 (chi phí quản lý doanh nghiệp).

Kết cấu tài khoản 642:

- Bên nợ: Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ
- Bên có: Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 (xác định kết quả kinh doanh)

***Quy trình hạch toán:**

Căn cứ vào chứng từ gốc như: Hoá đơn GTGT, phiếu chi, uỷ nhiệm chi,... kế toán vào sổ nhật ký chung. Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 642, 111...

Cuối kỳ kế toán kết chuyển sang TK 911

VD: (trích nghiệp vụ)

1. Ngày 11/12/2009 căn cứ vào hóa đơn GTGT số 82400 (biểu 2.13) Công ty thanh toán tiền đồ mực máy photô copy (dùng cho bộ phận văn phòng) cho Công ty TNHH Minh Hằng với tổng số tiền cả thuế là 1.650.000 đồng, kế toán ghi phiếu chi số 34/12 (Biểu 2.14)

- Căn cứ vào phiếu chi kế toán ghi sổ kế toán chi tiết TK 6422

Ngày 18/12 công ty thanh toán tiền vận chuyển cho công ty TNHH vận tải Quyết Thắng.

- Căn cứ vào phiếu chi (biểu 2.15) kế toán ghi sổ kế toán chi tiết TK 6421

2. Ngày 31/12/2008 căn cứ vào Bảng phân bổ tiền lương tháng 12 (biểu 2.16) Công ty thanh toán tiền lương T12/2009 với số tiền là 45.500.000 đồng, kế toán ghi phiếu kế toán số 66.(Biểu 2.17)

- Căn cứ vào các chứng từ gốc kế toán ghi sổ kế toán chi tiết TK 6421 (Biểu 2.18) và TK 6422 (Biểu 2.19).

- Từ các chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu 2.20)

- Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 642 (biểu 2.21)

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		MB/2008B			
Liên 2: Giao khách hàng		0082400			
Ngày 10 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng:.....					
Địa chỉ:.....		CÔNG TY TNHH MINH HẰNG			
Số tài khoản:.....		15 Hoàng Văn Thụ -Hải Phòng			
Điện thoại:..... MS:		MST: 0200402365			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu					
Địa chỉ: Số 8 - Máy Tơ- Ngô Quyền -Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán:.....TM.....MS: 0200661889					
STT	Tên hàng hoá , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Mực X 256	h			1 500 000
Cộng tiền hàng:					1 500 000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			150 000
Tổng cộng tiền thanh toán:					1 650 000
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
Nguyễn Văn Tùng				Phạm Vinh Hoa	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Biểu 2.13: Hoá đơn GTGT

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Tên đơn vị : Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Địa chỉ : Số 8 Máy Tơ - NQ - HP

Mẫu số : 02- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

PHIẾU CHI
Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Quyển số 12
Số:PC 34/12
Nợ : 6422
Có : 111

Họ và tên ng- ời nhận tiền : Nguyễn Thị Bé

Địa chỉ : Công ty TNHH Minh Hằng

Lý do chi : Đổ mực máy photo copy

Số tiền : **1.650.0000 đồng** (*Viết bằng chữ : Một triệu, sau trăm năm mươi ngàn đồng./.*)

Kèm theo : chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán tr- ờng Ng- ời nộp tiền Ng- ời lập phiếu Thủ quỹ
(*Ký, họ tên, đóng dấu*) (*Ký, họ tên*) (*Ký, họ tên*) (*Ký, họ tên*) (*Ký, họ tên*)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ) : Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

Biểu 2.14: Phiếu chi số 34/12

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Tên đơn vị : Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Địa chỉ : Số 8 Máy Tơ - NQ - HP

Mẫu số : 02- TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 18 tháng 12 năm 2009

Quyển số 12
Số:PC 47 /12
Nợ : 6421
Có : 111

Họ và tên ng- ời nhận tiền : Nguyễn Văn thắng

Địa chỉ : Công ty TNHH vận tải Quyết Thắng

Lý do chi : Thanh toán tiền vận chuyển đường ngắn

Số tiền : **2.000.000 đồng** (*Viết bằng chữ : Hai triệu đồng chẵn./.*)

Kèm theo : chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán tr- ờng Ng- ời nộp tiền Ng- ời lập phiếu Thủ quỹ
(*Ký, họ tên, đóng dấu*) (*Ký, họ tên*) (*Ký, họ tên*) (*Ký, họ tên*) (*Ký, họ tên*)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ) : Hai triệu đồng chẵn.

Biểu 2.15: Phiếu chi số 34/12

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng

Bảng phân bổ tiền lương

Tháng 12/2009

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	TK 334- Phải trả người lao động		TK 338 - Phải trả phải nộp khác				Tổng cộng
	Lương	Cộng có TK 334	KPCĐ	BHXH	BHYT	Cộng có TK 338	
TK 6421 - Chi phí bán hàng	27,450,000	27,450,000	-	-	-	-	27,450,000
TK 6422- Chi phí quản lý DN	18,050,000	18,050,000	-	-	-	-	18,050,000
Cộng	45,500,000						45,500,000

Ngày 31/12/2009

Người lập bảng

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.16 Bảng phân bổ lương

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Phiếu kế toán

Số 66

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Phân bổ tiền lương T 12	6421		27,450,000			
		6422		18,050,000			
			334	45,500,000			
	Cộng phát sinh			45.500.000			

Biểu 2.17 : Phiếu kế toán
Nguồn dữ liệu : Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 - Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Sổ chi tiết
Tháng 12/2009
Tên TK: Chi phí bán hàng
Số hiệu TK: 6421

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số PS	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
18/12	PC 47/12	18/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển đường ngắn	111	2.000.000	
					
31/12	PKT 66	31/12	Thanh toán tiền lương cho nhân viên	334	18,050,000	
			
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		254,950,187
			Cộng phát sinh cả năm		254,950,187	254,950,187

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.18: Sổ kế toán chi tiết TK 6421
Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 - Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Sổ chi tiết

Tháng 12/2009

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 6422

ĐVT: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số PS	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
	...					
11/12	PC 34/12	11/12	Thanh toán tiền đồ mực máy photo	111	1,650,000	
31/12	PKT 66	31/12	Thanh toán tiền lương cho ban giám đốc	334	27,450,000	
					
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	911		168,521,500
			Cộng phát sinh cả năm		168,521,500	168,521,500

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.19: Sổ kế toán chi tiết TK 6422
Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHUNG
(trích tháng 12/2009)

ĐVT: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số phát sinh	
	Số hiệu	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
11/12	PC 34/12	11/12	Trả tiền đồ mực máy photo	6422		1,500,000	
				1331		150,000	
					111		1,650,000
18/12	PC 47/12	18/12	Thanh toán tiền vận chuyển đường ngắn	6421		2,000,000	
					111		2,000,000
31/12	PKT 66	31/12	Thanh toán tiền lương nhân viên	6421		18,050,000	
					334		18,050,000
			Thanh toán tiền lương ban giám đốc	6422		26,450,000	
					334		26,450,000
31/12	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	911		45,500,000	
					642		45,500,000
			Cộng chuyển trang sau				
			Cộng lũy kế				

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.20: Sổ Nhật ký chung
Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 - Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Sổ cái
Năm 2009
Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Số hiệu TK: 642

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
11/12	PC 34/12	11/12	Trả tiền đổ mực in máy photo	111	1,500,000	
				331	150,000	
18/12	PC 57/12	18/12	Thanh toán tiền vận chuyển đường ngắn	111	2,000,000	
	...					
31/12	PKT 66	31/12	Thanh toán tiền lương nhân viên	334	27,450,000	
			Thanh toán tiền lương ban GD	334	18,050,000	
					
	PKT 83	31/12	Kết chuyển TK 911	911		423,471,687
			Cộng phát sinh		2.693.504.144	2.693.504.144
			Số dư cuối kỳ		-	

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.21: Sổ cái TK 642

Nguồn dữ liệu: trích số liệu phòng kế toán

Phiếu kế toán
Ngày 31/12/2009

Số 83

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		423,471,687			
			642	423,471,687			
						6421	254,950,187
						6422	168,521,500
	Cộng			423,471,687			

Biểu 2.22 : Phiếu kế toán
Nguồn số liệu : Trích số liệu phòng kế toán

2.2.1.4- Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Tại Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu xác định kết quả kinh doanh được tổng kết vào cuối tháng và do kế toán tổng hợp chịu trách nhiệm. Căn cứ vào các chứng từ sổ sách do kế toán bán hàng và các hoạt động khác đưa lên, kế toán tổng hợp phân tích các chỉ tiêu và lập báo cáo.

Kế toán sử dụng TK 911

Tài khoản sử dụng:

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Kết cấu TK 911

- Bên nợ do kết chuyển từ các TK 632, 6421, 6422
- Bên có do kết chuyển từ TK 511

Các TK liên quan khác.

Quy trình hạch toán

- Từ sổ Nhật ký chung (Biểu 2.24) kế toán ghi sổ cái TK 911 (Biểu 2.25).
- Căn cứ sổ cái TK 911 kế toán tổng hợp số liệu kế toán kết quả kinh doanh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính.

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Phiếu kế toán Ngày 31/12/2009

Số 86

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi	911		712,478,680			
			421	712,478,680			
	Cộng			712,478,680			

Biểu 2.23 : Phiếu kế toán
Nguồn số liệu : Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng Từ		Diễn giải	Tài Khoản Đôi ứng		Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có		
.....
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		23.517.423.452	
					911		23.517.432.452
	PKT 82	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		22.305.942.211	
					632		22.305.942.211
	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	911		423.471.687	
					642		423.471.687
.....				
	PKT 86	31/12	Kết chuyển lãi	911		712.478.680	
					421		712.478.680
			Cộng phát sinh cả năm				

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ

Kế toán

Giám đốc

BIỂU 2.24: Sổ Nhật ký chung

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 - Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Sổ cái

Năm 2009

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		23,517,432,452
	PKT 82	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	22,305,924,211	
	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	642	423,471,687	
					
	PKT 86	31/12	Kết chuyển lãi	421	712,478,680	
			Cộng phát sinh cả năm		190.032.847.410	190.032.847.410
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.25: Sổ cái TK 911

Nguồn dữ liệu: trích số liệu phòng kế toán

2.2.2 : Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

2.2.2.1- Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Năm 2009 doanh thu hoạt động tài chính của công ty bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và được hạch toán vào TK 711 (thu nhập khác).

2.2.2.2- Kế toán chi phí hoạt động tài chính tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Tại Công ty, chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản: Trả lãi vay vốn lưu động, tiền vốn vay huy động, tiền thanh lý hợp đồng vay vốn huy động.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu chi.
- Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng:

- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu tài khoản :

- Bên nợ : Chi phí tiền lãi vay.
- Bên có : cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- TK 635 không có số dư cuối kỳ

Quy trình hạch toán:

- Căn cứ vào chứng từ gốc như: Phiếu chi, Phiếu kế toán ... kế toán vào sổ nhật ký chung, căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 635.
- Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

VD : (trích nghiệp vụ)

1. Công ty vay vốn của ông Bùi Xuân Nhung số tiền là 500.000.000 đ (năm trăm triệu đồng chẵn), lãi suất 1,2 % / tháng trả lãi định kỳ vào ngày mùng 8 hàng tháng.

Ngày 08/12/2009 Công ty trả tiền lãi vay vốn huy động cho Ông Bùi Xuân Nhung, số tiền 6.000.000 đồng, kế toán lập phiếu chi số 19/12 (Biểu 2.26)

- Từ phiếu chi số 34/11 và số 19/12, kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.27)

- Căn cứ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 635 (Biểu 2.28)

- Cuối quý, kế toán lập báo cáo tài chính.

Tên đơn vị : **Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu**

Địa chỉ : Số 8 Máy Tơ - NQ - HP

Mẫu số : 02- TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006 QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ tr-ởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 8 tháng 12 năm 2009

Quyển số 11

Số:PC 19/12

Nợ :

Có :

Họ và tên ng-ời nhận tiền : Bùi Xuân Nhung

Địa chỉ : Số 15 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Lý do chi : Trả tiền lãi vay

Số tiền : **6.000.000 đồng** (*Viết bằng chữ : Sáu triệu đồng chẵn ./.*)

Kèm theo : chứng từ gốc

Giám đốc Kế toán tr-ởng Ng-ời nộp tiền Ng-ời lập phiếu Thủ quỹ

(*Ký, họ tên, đóng dấu*) (*Ký, họ tên*) (*Ký, họ tên*) (*Ký, họ tên*) (*Ký, họ tên*)

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ) : Sáu triệu đồng chẵn.

Biểu 2.26: Phiếu chi

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng Từ		Diễn giải	Tài Khoản Đối ứng		Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có		
.....
						
8/12	PC 19/12	8/12	Trả tiền lãi vay Ông Nhung	635		6.000.000	
					111		6.000.000
31/12	PKT 84	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		77.969.655	
					635		77.969.655
						
			Cộng phát sinh cả năm				

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(ký,họ tên)

Kế toán
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên)

Biểu 2.27: Sổ Nhật ký chung

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 - Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Sổ cái
Năm 2009
Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính
Số hiệu TK: 635

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
8/12	PC 19/12	8/12	Trả tiền lãi vay ông Nhung	111	5,500,000	
					
	PKT 84	31/12	Kết chuyển TK 911	911		77.969.655
			Cộng phát sinh		77.969.655	77.969.655
			Số dư cuối kỳ		-	

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.28: Sổ cái TK 635

Nguồn dữ liệu: trích số liệu phòng kế toán

Phiếu kế toán
Ngày 31/12/2009

Số 84

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí tài chính	911		77.969.655			
			635	77.969.655			
	Cộng			77.969.655			

Biểu 2.29: Phiếu kế toán
Nguồn dữ liệu: trích số liệu phòng kế toán

2.2.3: Nội dung hạch toán thu nhập, chi phí và kết quả hoạt động khác tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu thì thu nhập khác là các khoản lãi tiền cho vay, tiền gửi ngân hàng.

Công ty không có chi phí khác phát sinh trong kỳ

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo có của Ngân hàng.
- Phiếu kế toán.

Tài khoản sử dụng:

- TK 711: Thu nhập khác

Kết cấu tài khoản

- Bên nợ : Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 (Xác định kết quả kinh doanh)
- Bên có : Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

- TK 711 không có số dư cuối kỳ

Quy trình hạch toán:

- Căn cứ vào chứng từ gốc như: Giấy báo có của Ngân hàng, phiếu kế toán, kế toán vào sổ nhật ký chung.

- Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 711, TK 911

- Định kỳ cuối quý, tổng hợp số liệu từ sổ cái, bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

VD : (trích nghiệp vụ)

Ngày 31/12/2009 Ngân hàng Quốc Tế trả lãi tiền gửi cho Công ty, với số tiền là: 1.398.998 đồng (Giấy báo có số 926 của Ngân hàng Quốc Tế - Biểu 2.30).

- Căn cứ vào giấy báo có số 926 kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu 2.31), sổ cái TK 711(biểu 2.32)

- Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính.

VIB	GIẤY BÁO CÓ	Số (Seq. No.)	0091000119926
	CREDIT ADVICE	Ngày (date)	31/12/2010
		Giờ (time)	02 :13 :56 PM

Chi nhánh (Branch name) : Chi nhánh Hải Phòng

Mã số thuế (Branch VAT code) : 0100233488-002

Mã số Khách hàng : 00087997 **CÔNG TY TNHH TM NGỌC HIẾU**

Client No.

Số TK/ Tên TK : 009704060014017 **CÔNG TY TNHH TM NGỌC HIẾU**

RB AC No/ AC Name

Nội dung : 602 Credit

Narrative

Tên và địa chỉ người chuyển **NH Quốc Tế**

Số tiền bằng chữ : **Số tiền** (Credit amount in figures & ccy code) 1.398.998

Credit amount in words

Một triệu, ba trăm chín tám ngàn, chín trăm chín tám đồng.

Số dư (Ledger Balance & ccy) : 1.157.907.344 VND

GIAO DỊCH VIÊN/ NV NGHIỆP VỤ

User ID

KIỂM SOÁT

Override user ID

Biểu 2.30 : Giấy báo có ngân hàng VIB

Nguồn số liệu : Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng Từ		Diễn giải	Tài Khoản Đối ứng		Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
.....
31/12	GBC 926	31/12	Lãi tiền gửi tại Ngân hàng VIB	112		1.398.998	
					711		1.398.998
				
	PKT 85	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		2.413.111	
					911		2.413.111
			Cộng phát sinh cả năm				

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ
(ký,họ tên)

Kế toán
(ký,họ tên)

Giám đốc
(ký,họ tên)

Biểu 2.31: Sổ Nhật ký chung

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 - Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Sổ cái
Năm 2009
Tên TK: Thu nhập khác
Số hiệu TK: 711

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	GBC 926	8/12	Là tiền gửi tại ngân hàng VIB	112		1.398.998
					
	PKT 85	31/12	Kết chuyển TK 911	911	2.413.111	
			Cộng phát sinh cả năm		29.781.381	29.781.381
			Số dư cuối kỳ		-	

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.32: Sổ cái TK 711
Nguồn dữ liệu: trích số liệu phòng kế toán

Phiếu kế toán
Ngày 31/12/2009

Số 85

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển thu Nhập khác	711		2.413.111			
			911	2.413.111			
	Cộng			2.413.111			

Biểu 2.33 : Phiếu kế toán

Nguồn số liệu : Trích số liệu phòng kế toán

2.2.4: Tổng hợp doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh được tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác: cục thuế, nhà đầu tư, ngân hàng... Vì vậy báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan.

Căn cứ vào các loại sổ chi tiết, sổ tổng hợp của các phần hành liên quan, cuối tháng kế toán tổng hợp lên báo cáo kết quả kinh doanh của chi nhánh

Kế toán sử dụng TK 911-Xác định kết quả kinh doanh.

+ Bên nợ: chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến hàng tiêu thụ (Giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp), chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác kết chuyển lợi nhuận của hoạt động kinh doanh.

+ Bên có: Tổng số doanh thu thuần về tiêu thụ trong kỳ, doanh thu khác, kết chuyển hoạt động sản xuất kinh doanh

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

* *Các tài khoản sử dụng:*

- TK 515: doanh thu hoạt động tài chính
- TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 711: Thu nhập khác

VD (trích nghiệp vụ)

Cuối tháng kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 911

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng Từ		Diễn giải	Tài Khoản Đối ứng		Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có		
.....
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		23,517,432,452	
					911		23,517,432,452
	PKT 82	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		22,305,924,211	
					632		22,305,924,211
	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	642		423,471,687	
					911		423,471,687
	PKT 84	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635		77,969,655	
					911		77,969,655
	PKT 85	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911		2,413,111	
					711		2,413,111
	PKT 86	31/12	Kết chuyển lãi	421		712,478,680	
					911		712,478,680
			Cộng phát sinh cả năm			1,222,750,368,080	1,222,750,368,080

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.31: Sổ Nhật ký chung

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
Số 8 - Máy Tơ - Ngô Quyền - HP

Sổ cái

Năm 2009

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

ĐVT: đồng

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
					
31/12	PKT 81	31/12	Kết chuyển doanh thu thuần	511		23,517,432,452
	PKT 82	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	22,305,924,211	
	PKT 83	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN	642	423,471,687	
	PKT 84	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	77.969.655	
	PKT 85	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		2.413.111
	PKT 86	31/12	Kết chuyển lãi	421	712,478,680	
					
			Cộng phát sinh tháng 12		190.032.847.410	190.032.847.410
			Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu

Kế toán

Giám đốc

Biểu 2.34: Sổ cái TK 911

Nguồn dữ liệu: trích số liệu phòng kế toán

Mẫu số: B-02/DNN
 (Ban hành kèm theo Quyết định
 số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2009

Người nộp thuế: Công ty TNHH TM Ngọc Hiếu
 Mã số thuế : 0200661889
 Địa chỉ trụ sở: Số 8 Máy Tơ
 Quận Huyện: Ngô Quyền Tỉnh/ Thành phố: Hải Phòng
 Điện thoại: 0313.550316 Fax: 0313.825447 Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt (1)	Chỉ Tiêu (2)	Mã (3)	Thuyết minh (4)	Số năm nay (5)	Số năm trước (6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.08	188.692.835.589	278.661.710.937
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		188.692.835.589	278.661.710.937
4	Giá vốn hàng bán	11		185.118.480.646	273.766.131.752
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		3.574.354.943	4.895.579.185
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7	Chi phí tài chính	22		883.527.021	1.485.975.331
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		883.527.021	1.845.975.331
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		2.693.504.144	3.660.274.523
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 24)	30		(2.676.222)	(250.670.669)
10	Thu nhập khác	31		29.781.381	41.150.072
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		29.781.381	41.150.072
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	27.105.159	(209.520.597)
14	Chi phí thuế thu nhập DN	51		6.776.290	
15	lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)	60		20.328.869	(209.520.597)

Nguồn dữ liệu: Trích số liệu phòng kế toán

Biểu 2.35: Báo cáo kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI NGỌC HIẾU

3.1- Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu là doanh nghiệp tư nhân, đặc điểm hoạt động SXKD của Công ty là thương mại, lĩnh vực hoạt động kinh doanh là: mua bán sắt thép các loại, vật liệu xây dựng. Trong đó, đặc biệt là mặt hàng thép tấm các loại phục vụ cho ngành công nghiệp đóng tàu. Đây là ngành nghề khá phát triển vì nó phục vụ cho các ngành công nghiệp mũi nhọn tại một thành phố biển lớn của cả nước.

3.1.1- Ưu điểm

Là một doanh nghiệp tư nhân luôn đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định. Đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò vị thế của Công ty trên toàn quốc.

- *Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh*: Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

- *Về tổ chức bộ máy kế toán của công ty*: Cơ cấu của phòng tài chính kế toán gọn nhẹ, chặt chẽ, mỗi người phụ trách một mảng riêng, có nhiệm vụ và quyền hạn đối với mỗi phần hành của mình. Cán bộ kế toán có tính độc lập, trình độ năng lực chuyên môn cao, có nhiệt tình và lòng yêu nghề, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều năm liền chưa để xảy ra sai phạm đáng kể trong kinh tế tài chính, hạch toán

thống kê. Do vậy mà bộ máy kế toán của công ty luôn ổn định và đảm bảo việc theo dõi, báo số hàng tháng của công ty đúng hạn. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh theo đúng pháp luật và quy định của công ty. Điều này giúp cho công tác quản lý của công ty nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng củng cố và lớn mạnh. Một yếu tố khác không kém phần quan trọng là trang thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh, văn phòng và kế toán khá đầy đủ và hiện đại. Mỗi một nhân viên kế toán đều được trang bị máy vi tính có nối mạng để dễ chia sẻ và tổng hợp số liệu.

- **Về Chứng từ kế toán:** Kế toán sử dụng hệ thống chứng từ kế toán đúng chế độ kế toán của Bộ tài chính ban hành. Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ phát sinh. Những thông tin về nghiệp vụ kế toán được ghi đầy đủ, chính xác vào chứng từ, tạo điều kiện cho tìm kiếm, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết. Trình tự luân chuyển chứng từ đảm bảo cho chứng từ lập ra có cơ sở thực tế, cơ sở pháp lý. Việc lưu trữ chứng từ tương đối khoa học và được giám sát chặt chẽ, các kế toán ở phân hành nào thì lưu trữ chứng từ liên quan đến phân hành đó. Vì vậy bảo đảm tính không chồng chéo và nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

- **Về sổ sách kế toán:** Các sổ sách kế toán được thực hiện rõ ràng, sạch sẽ và được in ra lưu trữ theo các chuẩn mực và quy định chung của Nhà nước. Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, ưu điểm của phương pháp này là tránh được hiện tượng ghi chép trùng lặp, đảm bảo thông tin kịp thời cho công tác quản lý kinh doanh, tổng hợp số liệu nhanh để lên báo cáo tài chính.

- **Về hệ thống tài khoản sử dụng:** Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành và các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

- **Về hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty:**

+ Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế của những thay đổi về chế độ kế toán đã áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp, đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại đơn vị.

+ Các nhân viên kế toán được sự hướng dẫn của kế toán trưởng của công ty nên công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty hiện nay rất nhanh chóng và chính xác. Đồng thời cùng với sự hỗ trợ đắc lực bởi hệ thống máy vi tính với những chương trình được cài đặt sẵn, phần lớn doanh thu và chi phí đều được hạch toán và theo dõi chi tiết, chặt chẽ theo từng vụ việc giúp cho việc đánh giá hiệu quả của từng hợp đồng kinh tế được dễ dàng.

+ Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đảm bảo thống nhất về nhiệm vụ và phương pháp tính toán các chỉ tiêu, đáp ứng yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của toàn công ty một cách kịp thời và chính xác.

3.1.2- Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế sau:

***Về việc luân chuyển chứng từ:**

Đa số doanh thu và giá vốn của công ty đều được hạch toán vào cuối tháng, cùng vào thời điểm lập báo cáo tài chính nên công việc của kế toán tại phòng kế toán của công ty bị dồn vào cuối tháng rất nhiều, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây ra nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

*** Về phương thức hạch toán kế toán:**

Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, cách thức hạch toán và cách thức lãnh đạo....Hơn nữa nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, thị trường chứng khoán...cũng như

yêu cầu quản lý kinh doanh của công ty, đòi hỏi cần thiết phải có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chỉ làm kế toán excell trên vi tính mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

*** Về trích lập các khoản dự phòng:**

Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hoá tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã chưa quán triệt nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh.

3.2- Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hoá, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hoá, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích ng-ời lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà n-ớc.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh đ-ợc những thuận lợi và khó khăn của doanh

nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thị trường là một yêu cầu cần thiết. Để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nh- ng có hiệu quả.

3.3- Yêu cầu hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo h- ớng đi đúng đắn đ- a công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt đ- ợc hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

a. Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà n- ớc nh- ng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà n- ớc xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

b. Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

c. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các ph- ơng án kinh doanh tối - u cho doanh nghiệp.

d. Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi tr- ờng hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt đ- ợc là cao nhất.

3.4- Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu.

Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng của kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu, em xin đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty như sau:

3.4.1- Kiến nghị 1: Hoàn thiện về nội dung hạch toán

Nội dung hạch toán vào TK 711 - Thu nhập khác của công ty không phù hợp so với chế độ kế toán vì vậy kế toán cần phải hạch toán tiền lãi ngân hàng vào TK 515- doanh thu hoạt động tài chính như sau:

Ví dụ: Khi nhận được giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi ngân hàng kế toán tiến hành hạch toán như sau:

Nợ TK 112 - tiền lãi ngân hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

3.4.2- Kiến nghị 2: Ứng dụng phần mềm kế toán.

Tin học hóa hệ thống kế toán trong doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện giảm bớt khối lượng công việc, giảm bớt sổ sách kế toán và đặc biệt cung cấp thông tin nhanh chóng chính xác tạo điều kiện cho công tác quản lý.

Công ty có thể đi mua phần mềm của nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:: MISA, SASINOVA, FAST, ACMAN...

- Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA
- Phần mềm kế toán ACMAN của Công ty cổ phần ACMAN
- Phần mềm kế toán FAST của Công ty cổ phần Fast

Khi thực hiện giải pháp này sẽ giúp cho việc xử lý và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính nhanh chóng, kịp thời, chính xác và tiết kiệm được sức lao động, hiệu quả công việc cao đồng thời lưu trữ bảo quản dữ liệu thuận lợi và an toàn.

3.4.3. Kiến nghị 3: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều tập thể, cá nhân kinh doanh mặt hàng của công ty nên tình hình cạnh tranh diễn ra rất gay gắt, công ty hiện nay đã có một số lượng khách hàng truyền thống lâu năm, những khách hàng này thường là những đại lý thường mua với số lượng lớn. Việc áp dụng linh hoạt các chính sách bán hàng là rất quan trọng, hàng hóa muốn bán được nhiều cần đáp ứng tốt về chất lượng vừa có giá cả phù hợp. Vậy công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mại như giảm giá,

chiết khấu th-ong mại khi khách hàng mua hàng với số l-ợng lớn và thanh toán tiền nhanh nhằm giữ đ-ợc những khách hàng này.

Để tiện theo dõi kế toán nên mở thêm chi tiết cho tài khoản 521" chiết khấu th-ong mại". Ph-ong pháp hạch toán tài khoản này nh- sau:

Phán ánh số chiết khấu th-ong mại thực tế phát sinh:

Nợ TK 521: Chiết khấu th-ong mại khách hàng đ-ợc h-ởng

Nợ TK 3331: Thuế VAT phải nộp theo chiết khấu th-ong mại

Có TK 111,112,131: Số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

- Cuối kỳ, kế toán kết chuyển số tiền (chiết khấu bán hàng đã đ-ợc chấp nhận) cho khách hàng sang TK 511" doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

Nợ 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có 521: chiết khấu th-ong mại

Hiệu quả: Công ty không những giữ đ-ợc các khách hàng truyền thống mà còn phát triển đ-ợc khối l-ợng khách hàng mới trong t-ong lai vì có sự -u đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị tr-ờng của công ty.

3.4.4. Kiến nghị 4: Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu những đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, công ty nên mở TK 139 – “dự phòng phải thu khó đòi” là cần thiết.

Theo thông tư số 13/2006 phải thu khó đòi là những khoản nợ đã quá hạn hai năm kể từ ngày đến hạn, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn không đòi được.

Quán triệt nguyên tắc thận trọng, đòi hỏi doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành.

Căn cứ theo thông tư số 13/2006 của bộ tài chính đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20 % tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm.

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139.

*** Phương pháp hạch toán:**

+ Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay > dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng trích lập năm nay < số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành).Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 131: Phải thu của khách hàng hàng

Hoặc ghi Có TK 138: phải thu khác

Đồng thời ghi đơn Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý (Để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ - thời gian tối thiểu 5 năm)

Đối với khoản phải thu khó đòi đã xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ 111, 112:

Có TK 711: thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

3.5- Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu

3.5.1- Về phía Nhà nước.

Chính sách Nhà nước ngày càng ban hành nhiều Quyết định, thông tư trong chế độ kế toán mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ do vậy Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Ngọc Hiếu nói riêng và các Doanh nghiệp khác nói chung có một môi trường tốt để hoàn thiện tổ chức kế toán của mình.

3.5.2- Về phía doanh nghiệp.

Bản thân doanh nghiệp cần phải có những điều kiện sau đây để có thể hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty:

- Công ty phải có đội ngũ cán bộ, nhân viên kế toán nắm vững và am hiểu các nghiệp vụ kế toán, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp ... Hơn thế nữa, cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ trong vị trí được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Trước những thành tựu công nghệ thông tin nói chung và việc ứng dụng các thành tựu nào vào quản lý kinh tế nói riêng nhằm đạt hiệu quả cao trong kinh doanh, hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh

nói riêng phải theo hướng hiện đại hoá trong ghi chép và xử lý số liệu nhằm nâng cao năng suất lao động, đáp ứng nhu cầu thông tin nhanh, chính xác, đầy đủ cho lãnh đạo. Để hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo hướng này, đòi hỏi đội ngũ cán bộ kế toán phải am hiểu và thành thạo phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty và lập báo cáo tài chính.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Ngọc Hiếu với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ công nhân viên phòng kế toán đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán. Cùng với sự giúp đỡ của các thầy, các cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy giáo **Thạc sĩ Nguyễn Đức Kiên** người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Phan Ngọc Huyền.

